

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Như Quỳnh**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Như Quỳnh**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Như Quỳnh

Mã SV: 120188

Lớp: QT1206K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.
  - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh. Trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2011
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT *Trần Hữu Nghị***

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



## LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, doanh nghiệp muốn tồn tại, vươn lên thì trước hết đòi hỏi kinh doanh phải có hiệu quả. Hiệu quả kinh doanh càng cao thì doanh nghiệp càng có điều kiện phát triển, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Với xu thế phát triển của xã hội và của nền kinh tế, việc quan tâm đến chi phí, doanh thu là vấn đề hàng đầu trong việc đảm bảo hiệu quả và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để có thể tồn tại và phát triển được trên thị trường đòi hỏi doanh nghiệp phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu trong tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có như vậy các nhà quản lý mới nắm rõ được tình hình tiêu thụ, các chi phí bỏ ra và kết quả kinh doanh thu được trong doanh nghiệp của mình, từ đó mới có thể đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã quyết định chọn đề tài: ***"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh"*** cho bài khóa luận của mình.

Ngoài Lời nói đầu và Kết luận, bài khóa luận của em gồm có 3 chương:

**Chương I : Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

**Chương II : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

**Chương III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 6 tháng 7 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Như Quỳnh

# **CHƯƠNG I – LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

## **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào hoạt động hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá rủi ro) và lợi nhuận là thước đo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác, chi phí. Hay nói cách khác doanh thu, thu nhập khác, chi phí và lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, mở rộng mặt hàng nào để đạt được kết quả cao nhất.

Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được thông tin, số liệu cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất.

Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp điều

kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định có cho vay không, cho vay bao nhiêu và bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,...

### **1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

✓ Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng tiêu thụ. Quản lý về số lượng, giá trị hàng xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng nhóm hàng.

✓ Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.

✓ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

✓ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh thông qua việc lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hoá tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần..)

✓ Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hoá, phát hiện, xử lý kịp thời hàng hoá ứ đọng

✓ Tham mưu các biện pháp thúc đẩy bán hàng, mở rộng thị phần, tăng vòng quay tổng vốn.

✓ Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để

phục vụ cho việc ra các quyết định, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu, tài liệu cho các cơ quan quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung của ngành thương mại và của nền kinh tế.

- ✓ Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với khách hàng và nhà cung cấp.
- ✓ Ghi chép theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

### 1.1.3. Các khái niệm cơ bản

#### 1.1.3.1. Doanh thu

*Doanh thu* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. ( Theo Chuẩn mực kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Các loại doanh thu :

#### ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Theo Chuẩn mực kế toán số 14, *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý* : thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

- *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng* : thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ.

- *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ❖ ***Doanh thu bán hàng nội bộ***

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

#### ❖ ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

- *Chiết khấu thương mại* là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết

cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- *Giảm giá hàng bán* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Hàng bán bị trả lại* là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỉ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Là loại thuế đợc đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế thu vào các mặt hàng đợc phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới giữa các quốc gia.

❖ ***Doanh thu thuần***: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận đợc chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN.

*Tiền lãi* là số tiền thu đợc phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền, các khoản tương đợng tiền hoặc các khoản còn nợ doanh nghiệp, như: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán...

*Tiền bản quyền* là số tiền thu đợc phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản, như: Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả,...

*Cổ tức và lợi nhuận đợc chia* là số tiền lợi nhuận đợc chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

Doanh thu hoạt động tài chính đợc ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi đợc ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền đợc ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### ❖ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. (Theo chuẩn mực kế toán số 14)

#### 1.1.3.2. **Chi phí**

*Chi phí* là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực kế toán số 01 - "Chuẩn mực chung", ban hành theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng BTC)

Chi phí bao gồm:

❖ *Giá vốn hàng bán* : là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, xuất bán trong kỳ.

❖ *Chi phí bán hàng* : là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,...

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* : là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp ;...

❖ *Chi phí tài chính* : là những khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ



chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...

❖ *Chi phí khác* : là những khoản chi phí (lỗ) phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* :

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận (hoặc lỗ) của một năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### 1.1.2.3. *Xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

❖ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh* : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	=	DT BH và CC DV	-	Các khoản giảm trừ DT	-	GVHB	-	CP BH, QLDN
-------------------------------	---	-------------------	---	--------------------------	---	------	---	----------------

❖ *Kết quả hoạt động tài chính* : là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính.

Lợi nhuận tài chính	=	DT hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
---------------------	---	------------------------	---	-------------------

❖ *Kết quả hoạt động khác* : là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

❖ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế* là tổng số của Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD, Lợi nhuận tài chính và Lợi nhuận khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	+	Lợi nhuận từ hoạt động TC	+	Lợi nhuận khác
--------------------------------------	---	--------------------------------	---	------------------------------	---	-------------------

❖ Lợi nhuận sau thuế TNDN là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
----------------------------	---	--------------------------------------	---	----------------------

## 1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

• Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

• Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất, nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. Doanh thu hàng bán bị

trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có :*

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp hai:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

❖ *Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ*

• Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

- Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có :*

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp hai:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ *Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại*

- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

- Kết cấu:

*Bên Nợ* : Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

*Bên Có* : Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại*

- Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị kém, mất phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

- Kết cấu:

*Bên Nợ* : Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

*Bên Có* : Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

- Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

❖ *Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán*

- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

- **Kết cấu:**

*Bên Nợ* : Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

*Bên Có* : Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản “Doanh thu nội bộ”.

- Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

- Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

- **Kết cấu:**

*Bên Nợ* :

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

*Bên Có* :

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).
- Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2, trong đó, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản 3331, 3332, 3333:

Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp

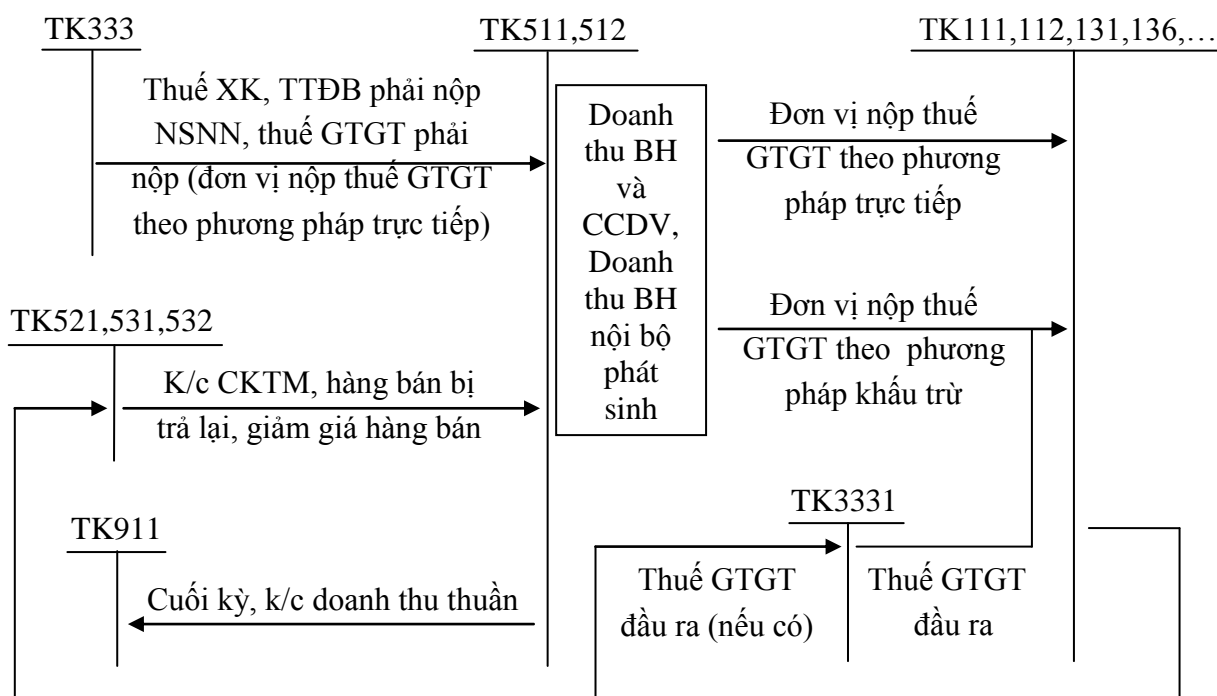
Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu

**1.2.1.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.

**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu**



Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

**1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

*Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"*

- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư (BĐSDT); giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với DN xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

- *Kết cấu TK632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

*Bên Nợ :*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho. Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ.
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT.
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ.
- Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

*Bên Có :*

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- *Kết cấu TK632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

*Bên Nợ :*

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

*Bên Có :*

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ tài khoản “Thành phẩm”.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, nếu doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì còn sử dụng tài khoản 631 – “Giá thành sản xuất”

Tài khoản này phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

*Bên Có :*

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 - “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

### **1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

*Theo chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho" (Ban hành theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng BTC), thì việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:*

*Phương pháp bình quân gia quyền : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị*



từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

*Phương pháp tính theo giá đích danh* : được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

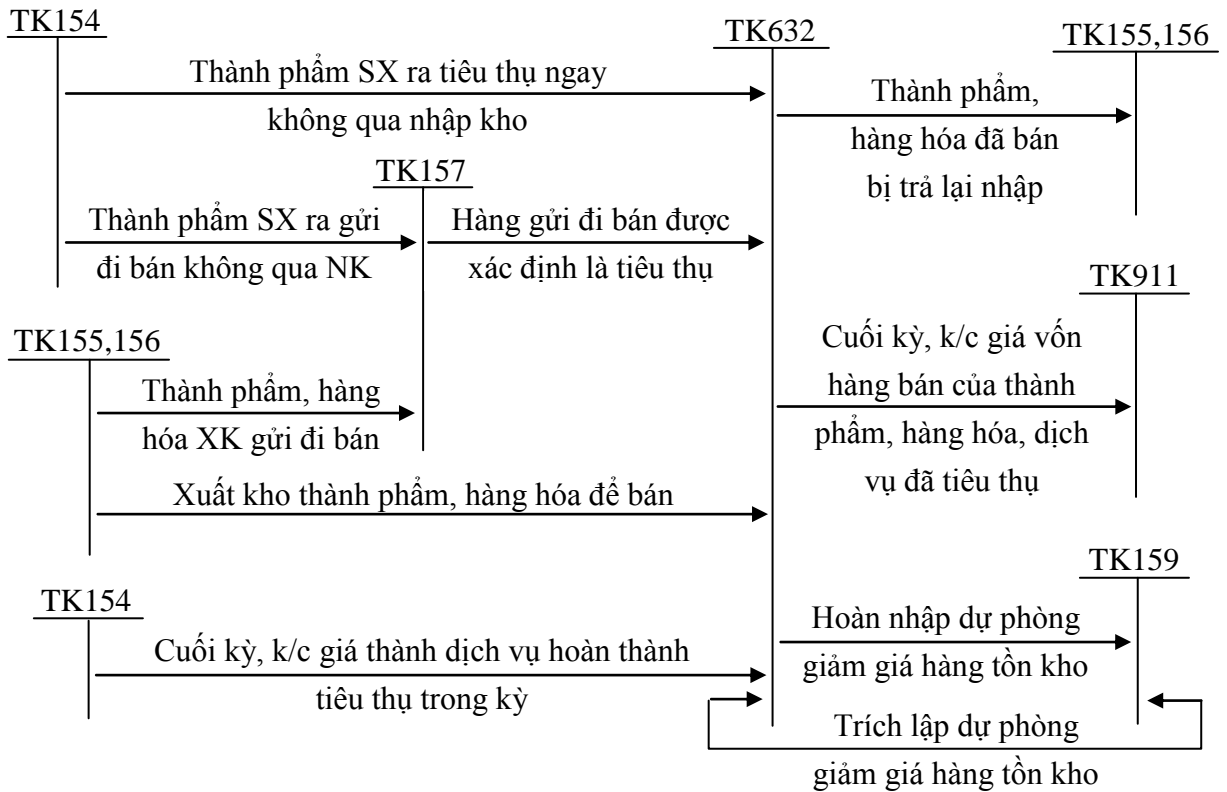
*Phương pháp nhập trước, xuất trước* : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

*Phương pháp nhập sau, xuất trước* : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

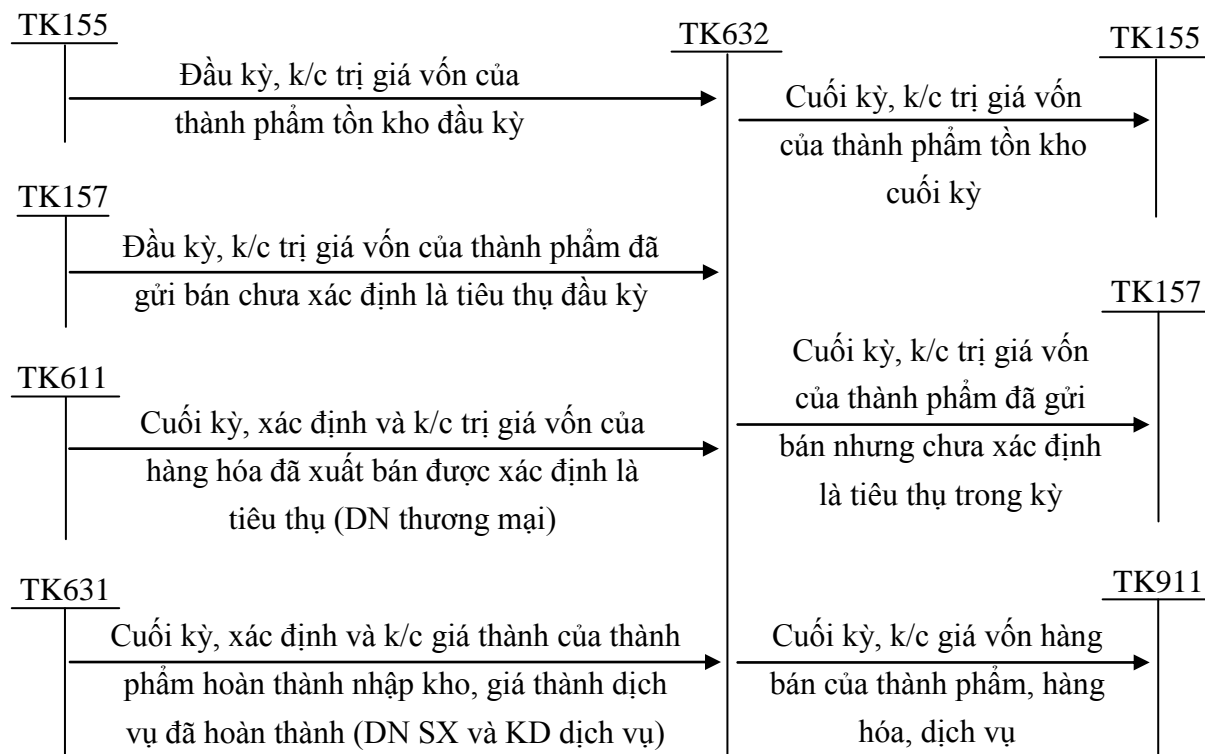
#### **1.2.2.4. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



**1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Phiếu xuất kho
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Hóa đơn GTGT,...

**1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**

❖ *Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng*

- Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,...

- Kết cấu:

*Bên Nợ* : Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

*Bên Có* : Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:
  - TK 6411: Chi phí nhân viên
  - TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
  - TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
  - TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
  - TK 6415: Chi phí bảo hành
  - TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

- ❖ *Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp*

- Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp;...

- Kết cấu:

*Bên Nợ* :

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

*Bên Có* :

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

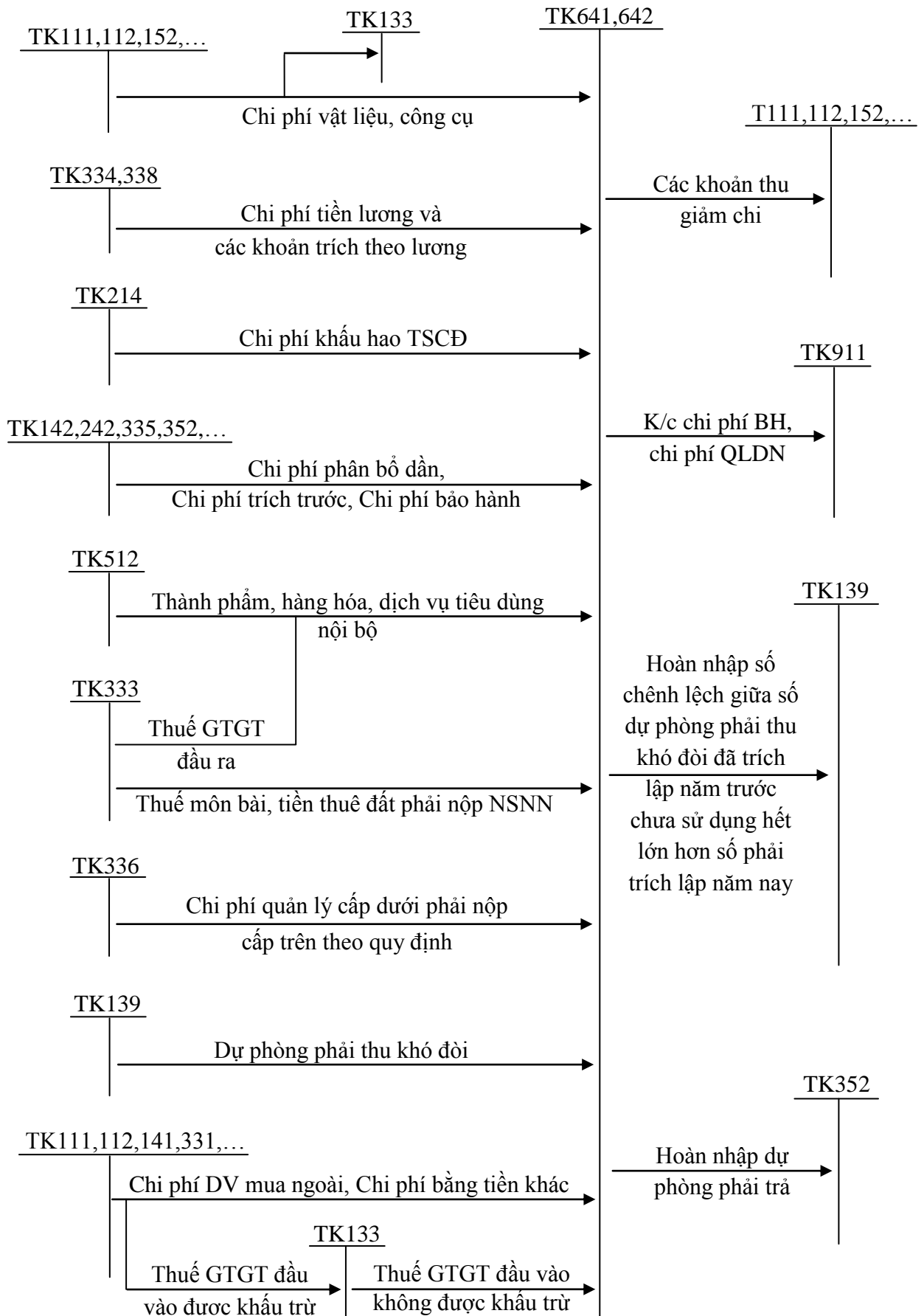
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

### ***1.2.3.3. Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.4

**Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



## 1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

#### ❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

• Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có :*

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

#### ❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm

các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,... dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

- **Kết cấu:**

*Bên Nợ :*

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

*Bên Có :*

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

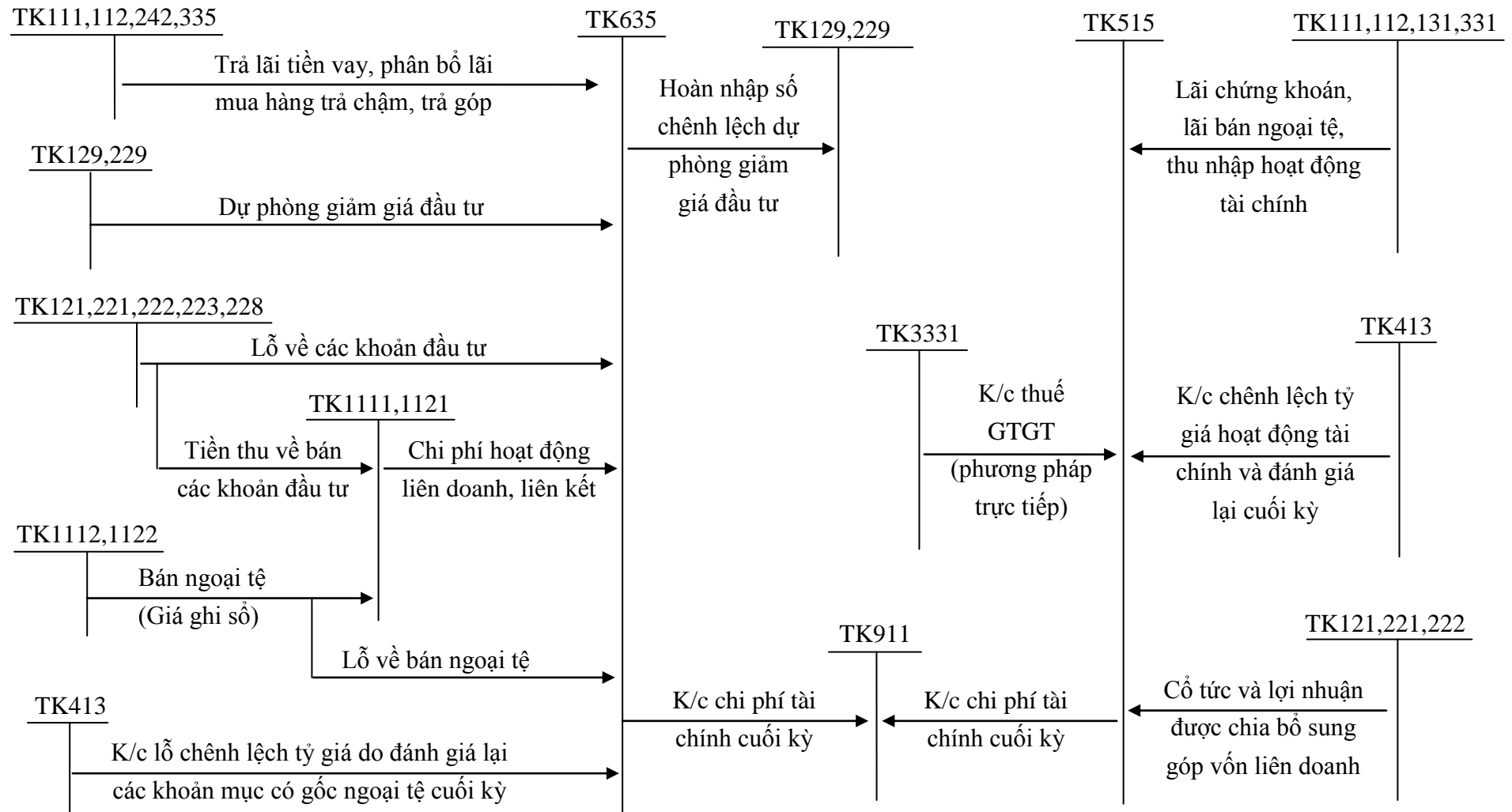
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

#### ***1.2.4.3. Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.5



**Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



### 1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thông thường

...

#### 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

##### ❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

• Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Kết chuyển thu nhập khác sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”

*Bên Có :*

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

##### ❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

• Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

*Bên Nợ :* Các khoản chi phí khác phát sinh.

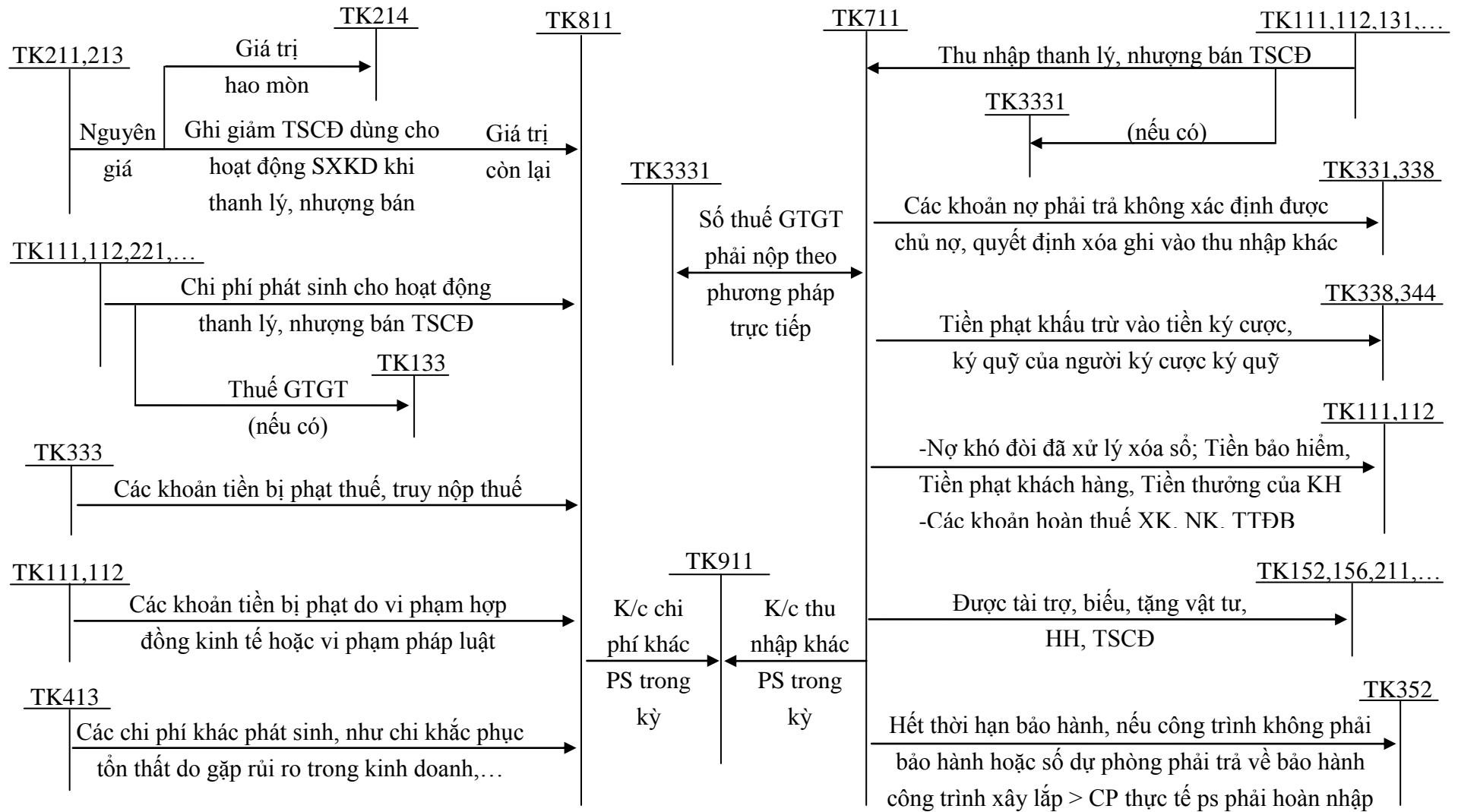
*Bên Có :* Kết chuyển chi phí khác vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

#### 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6

**Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



## 1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyên

### 1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

#### ❖ Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

• Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

- Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán

- Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

*Bên Có :*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

#### ❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

• Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của doanh nghiệp bao gồm Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ

sung được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm hiện tại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có tài khoản “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ tài khoản “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có :*

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành lớn hơn số phát sinh bên Có tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.
  - Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.
  - Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:
    - Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
    - Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
  - ❖ *Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối*
    - Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

*Bên Nợ :*

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

*Bên Có :*

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

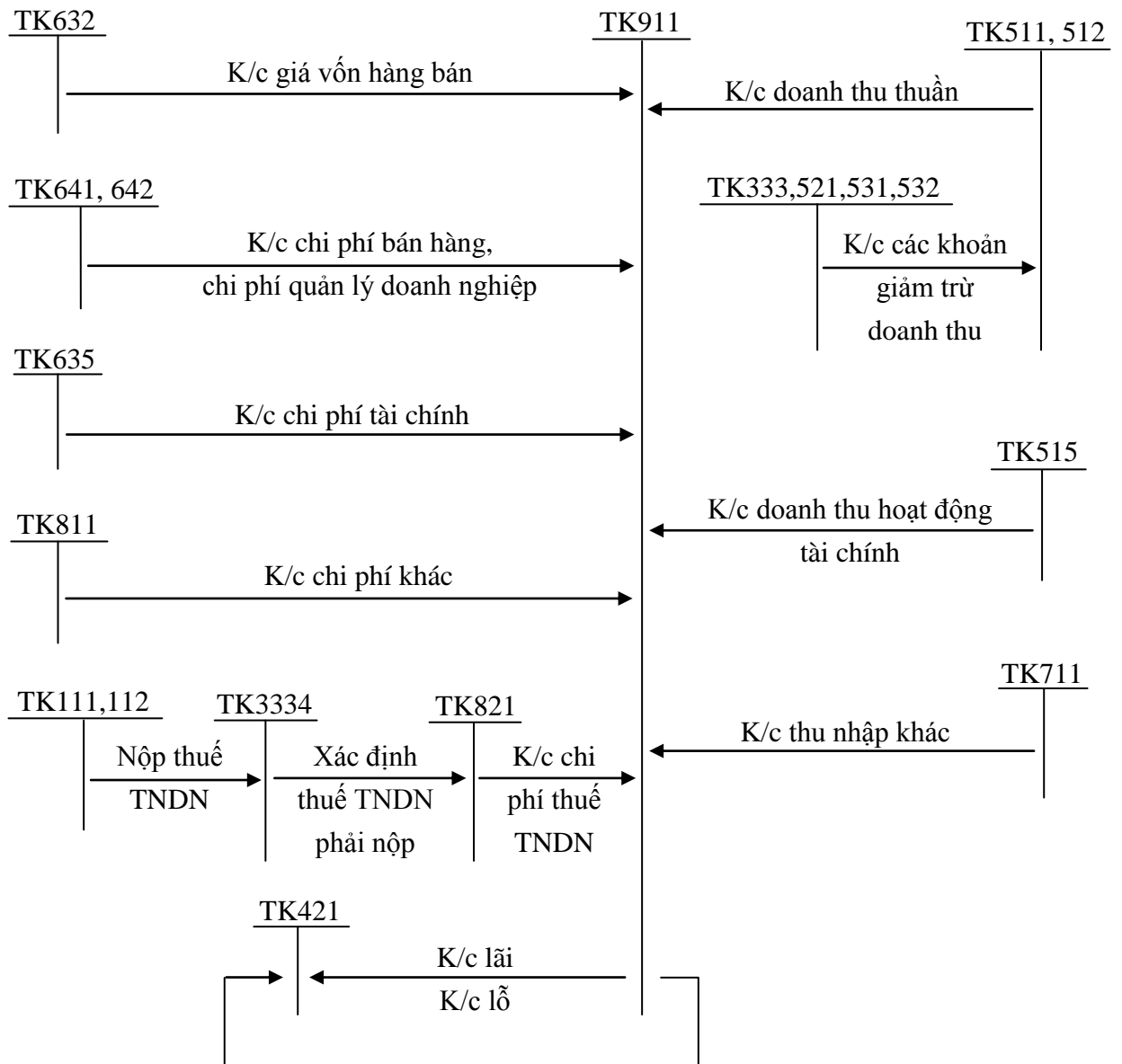
Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

### ***1.2.6.3. Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7

**Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**



## **CHƯƠNG II – THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

### **2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

- Tên công ty: Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh
- Địa chỉ: Thủy Đường- Thủy Nguyên- Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200577387
- Điện thoại: 031.3873012
- Fax: 84.31.3642675

**Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất sản phẩm từ giấy, sản xuất vở viết, đóng sổ, bán giấy cuộn, và các sản phẩm phục vụ cho học tập, văn phòng....

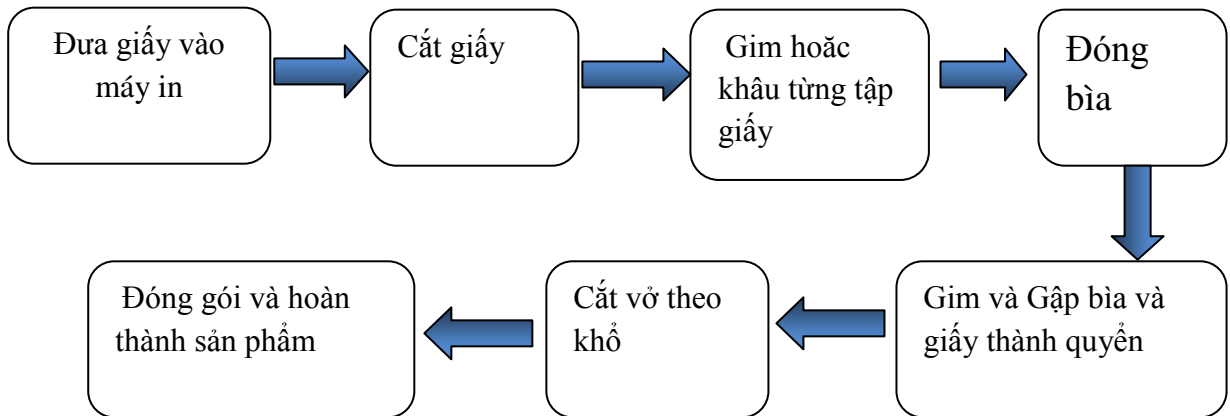
**Điều kiện cơ sở vật chất:** Tổng diện tích đất sử dụng khoảng 2000 m<sup>2</sup>, diện tích văn phòng 300m<sup>2</sup>, diện tích nhà xưởng và kho hàng khoảng 1700m<sup>2</sup>. Kho, nhà xưởng sản xuất hiện đại với đầy đủ các công trình phụ trợ như: khu xử lý phế thải, đường đi nội bộ, hệ thống cấp điện...

Đến nay Công ty đã hoạt động được hơn 5 năm. Quãng thời gian này tuy không phải là dài lắm nhưng cũng đủ để Công ty khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước và ngày càng mở rộng phát triển hơn.

#### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.**

Hiện nay Công ty chuyên sản xuất vở, sổ cứng để xuất bán trực tiếp ra thị trường. Sản phẩm của Công ty chủ yếu được làm được làm từ giấy nên dây chuyền sản xuất có thể tóm tắt như sau:





Các loại giấy được kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn rồi đem vào máy in. Sau khi in xong, tùy theo kích cỡ từng loại sản phẩm mà cắt theo khổ.

Sau quá trình cắt giấy, giấy được xếp từng tập theo quy chuẩn. Tùy từng loại sản phẩm vở, sổ... mà dùng máy khâu hoặc ghim để đóng gáy. Từ quy trình này thì bắt đầu đóng bìa. Bìa có thể dùng ghim, keo.... để cố định vào tập giấy.

Để có được những sản phẩm hoàn thiện hơn thì cần phải cắt vở theo từng khổ Công đoạn cuối cùng là đóng gói và hoàn thành sản phẩm. .

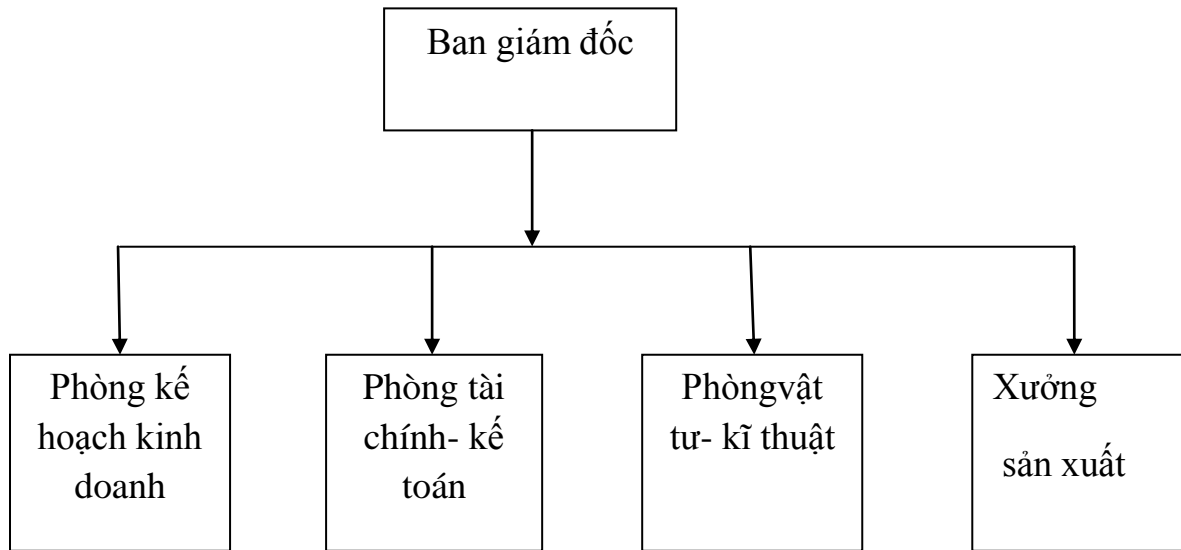
Sau khi dán nhãn hàng hoá, Công ty đóng kiện hàng và gửi đến các trung tâm tiêu thụ.

### 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến – chức năng, thể hiện qua sơ đồ 2.2

Kiểu tổ chức này rất phù hợp với Công ty trong tình hình phát triển hiện nay. Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty. Giám đốc là người trực tiếp quản lý, đại diện pháp nhân của Công ty trước pháp luật và là người giữ vai trò chỉ đạo chung. Giúp việc cho Giám đốc là các nhân viên cấp dưới quyền được điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho giám đốc quản lý và điều hành công việc.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý**



- Phòng kế hoạch- kinh doanh: Làm tham mưu cho Giám đốc thiết lập các kế hoạch về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng các phương án, chiến lược kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng...

- Phòng tài chính- kế toán: Hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính, cung cấp thông tin để lãnh đạo Công ty biết được tình hình sử dụng các loại tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, doanh thu, chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phục vụ cho việc điều hành, quản lý hoạt động của Công ty một cách kịp thời và hiệu quả.

- Phòng vật tư- kĩ thuật: Phụ trách trực tiếp việc cung ứng, kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu, sản phẩm, hàng hóa; lập kế hoạch định mức nguyên vật liệu cho sản xuất

- Xưởng sản xuất: phụ trách trực tiếp việc sản xuất ra sản phẩm, đảm bảo sản phẩm theo đúng chất lượng, mẫu mã.

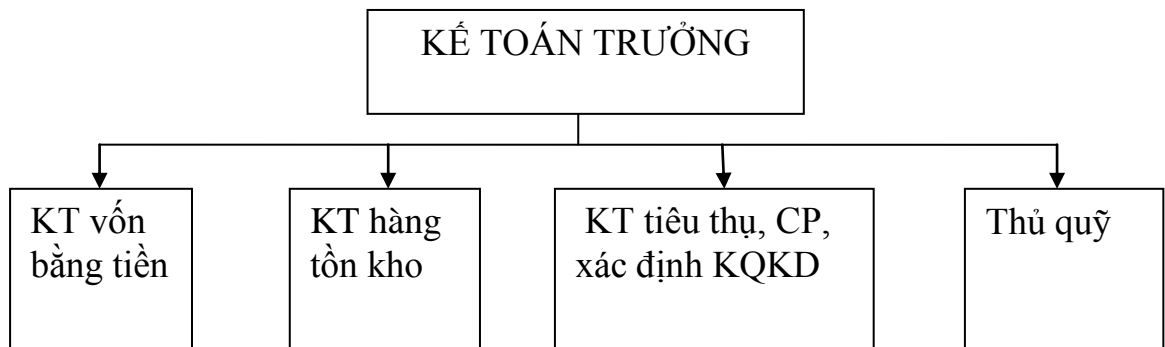
**2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP thương mại Cường Thịnh**

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:**

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy kế toán của Công ty có nhiệm vụ cập nhật, theo dõi, kiểm tra hạch toán toàn bộ những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong Công ty bằng các nghiệp vụ kế toán tài chính, giúp cho lãnh đạo Công ty có cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó

có quyết định đúng đắn trong hoạt động của Công ty nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**



-*Kế toán trưởng*: là người đứng đầu phòng kế toán, có nhiệm vụ chỉ đạo công tác thực hiện kế toán ở Công ty, báo cáo số liệu cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời kế toán trưởng cũng tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính của Công ty.

-*Kế toán vốn bằng tiền* : Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất. Theo dõi và thanh toán các khoản thu, chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

-*Kế toán hàng tồn kho*: Có trách nhiệm quản lý, thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập và xuất.

-*Kế toán doanh thu, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh*: Theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, thu nhập, giá vốn hàng bán, chi phí. Cuối mỗi quý, kết chuyển doanh thu, thu nhập, chi phí để xác định kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh theo chế độ của Công ty.

-*Thủ quỹ*: Phụ trách việc quản lý, bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các

chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

**2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản**

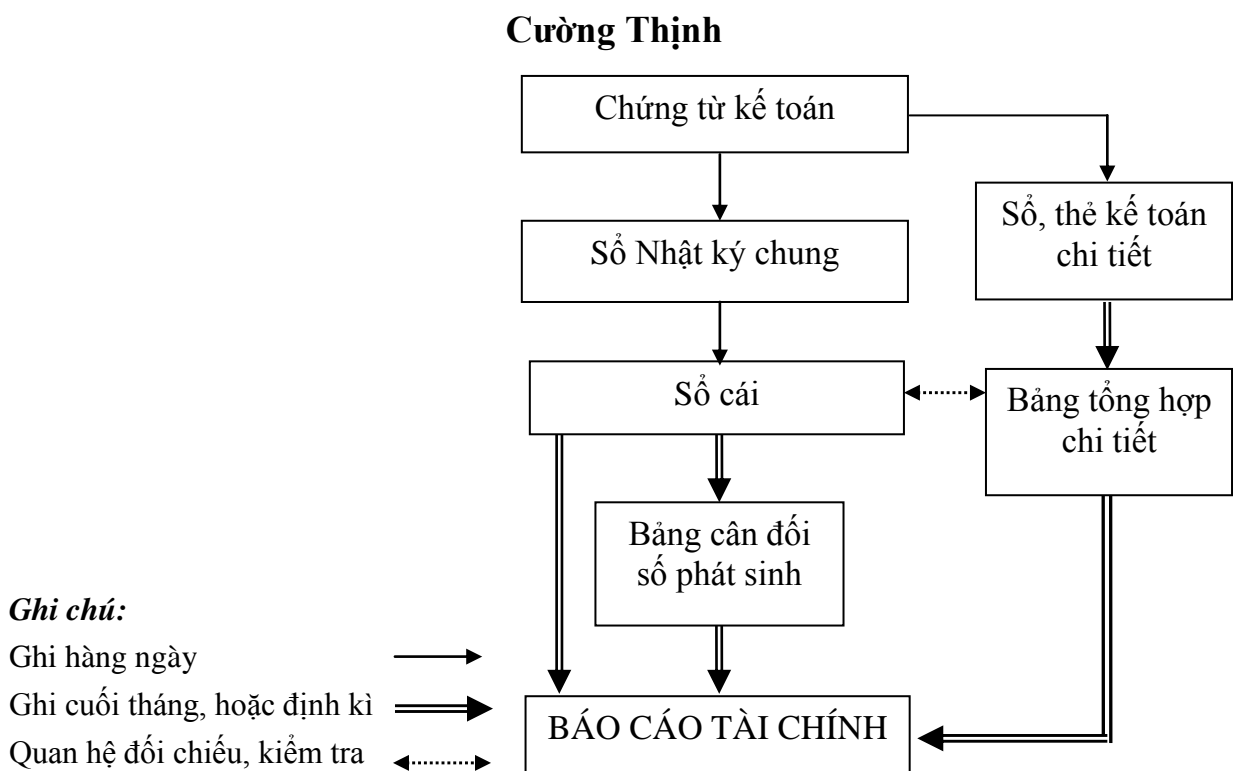
Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.

**2.1.4.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được mô tả qua sơ đồ 2.4

**Sơ đồ 2.4 - Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty cổ phần thương mại**



**2.1.4.4 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:**

Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính. Cuối mỗi năm, kế toán tiến hành lập các Báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

## **2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần TM Cường Thịnh**

#### **2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng của Công ty**

Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh là công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các sản phẩm vở, sổ ....và một số mặt hàng khác.

Doanh thu bán hàng của công ty bao gồm:

- Doanh thu bán hàng hóa: giấy in Thailan, giấy cuộn, phong bì....
- Doanh thu bán thành phẩm : Vở và sổ các loại

#### **2.2.1.2. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

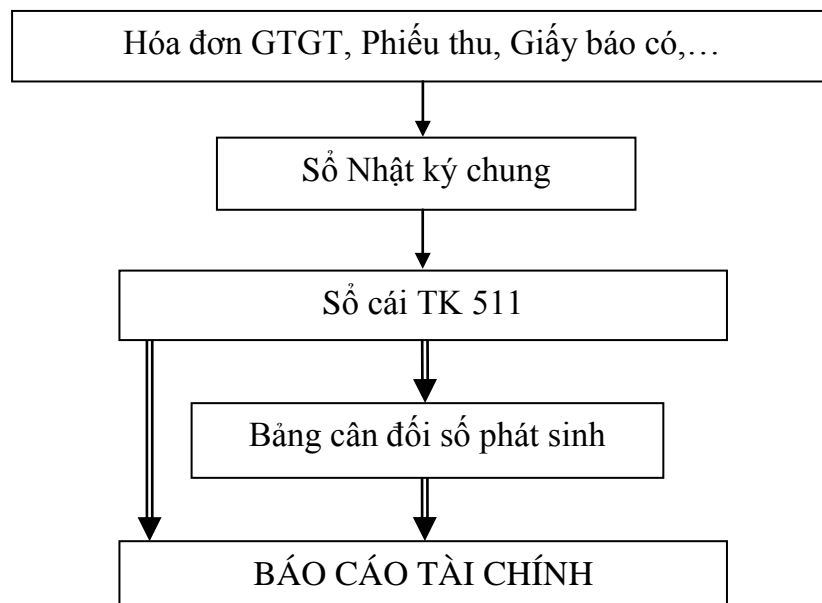
#### **2.2.1.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112.131...

#### **2.2.1.4. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh được khái quát qua sơ đồ 2.5

**Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái Tài khoản 511 và các Tài khoản liên quan.

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh

**2.2.1.5. Ví dụ minh họa**

❖ Ví dụ 2.1

Ngày 02/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh bán cho trường Tiểu học Hợp Thành 200 quyển vở ô ly kẻ ngang loại 120 trang và 800 quyển vở ô ly kẻ ngang loại 80 trang, tổng số tiền thanh toán (đã bao gồm cả thuế GTGT 10%) là 6.820.000 VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 4.356.000

Nợ TK 111 : 6.820.000

Có TK155 : 4.356.000

Có TK 511 : 6.200.000

Có TK 3331 : 620.000

➤ Căn cứ vào HĐGTGT số 0001190 (Biểu 2.1) và Phiếu thu số 670 (Biểu số 2.2) kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3), từ đó ghi vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.5).

## ❖ Ví dụ 2.2

Ngày 14/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh bán cho trường THPT Trần Phú 2.300 quyển sổ A4 bìa cứng xanh mỏng, tổng số tiền thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là 25.300.000 VNĐ.

## ➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 17.365.000

Nợ TK 131 : 25.300.000

Có TK 155 : 17.365.000

Có TK 511 : 23.000.000

Có TK 3331 : 2.300.000

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001203 (Biểu 2.4), kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3), từ đó ghi vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.5).

<b>HÓA ĐƠN</b>						<b>Mẫu số: 01GTKT-001</b>
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>						Ký hiệu: AA/11P
<b>Liên 3 : Nội bộ</b>						Số: 0001190
<i>Ngày 02 tháng 12 năm 2011</i>						
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh</b>						
Địa chỉ : <b>Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng.</b>						
Số tài khoản :						
Điện thoại : <b>0313873012</b>				MST : 0200577387		
Họ tên người mua hàng : <b>Lê Thị Thắm</b>						
Tên đơn vị : <b>Trường Tiểu học Hợp Thành</b>						
Địa chỉ : <b>Hợp Thành, Thủy Nguyên, Hải Phòng</b>						
Số tài khoản :						
Hình thức thanh toán : <b>Tiền mặt</b>						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3=1x2	
<b>1</b>	<b>Vỡ ô ly kẻ ngang-120</b>	<b>Quyển</b>	<b>200</b>	<b>9.000</b>	<b>1.800.000</b>	
<b>2</b>	<b>Vỡ ô ly kẻ ngang-80</b>	<b>Quyển</b>	<b>800</b>	<b>5.500</b>	<b>4.400.000</b>	
Cộng tiền hàng :					<b>6.200.000</b>	
Thuế suất GTGT <b>10%</b>		Tiền thuế GTGT :			<b>620.000</b>	
Tổng cộng tiền thanh toán :					<b>6.820.000</b>	
Số tiền viết bằng chữ : <b>Sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./</b>						
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>						

**Biểu 2.1 – Hóa đơn GTGT 1190**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
**Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**Mẫu số: 01-TT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng  
BTC)*

**PHIẾU THU**

*Ngày 02 tháng 12 năm 2011*

Số: 670

Nợ: 111

Có: 511

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền : *Lê Thị Thắm*

Địa chỉ : *Hợp Thành, Thủy Nguyên, Hải Phòng*

Lý do nộp : *Thanh toán tiền hàng*

Số tiền : 6.820.000VND

*(Viết bằng chữ) : Sáu triệu tám trăm hai mươi  
nghìn đồng chẵn./*

Kèm theo : 01

Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : 6.820.000VND

*Ngày 02 tháng 12 năm 2011*

**Thủ trưởng đơn vị      KT trưởng      Người lập phiếu      Thủ quỹ      Người nhận tiền**

**Biểu 2.2 – Phiếu thu số 670**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>Mẫu số: 01GTKT-001</b>		
<b>Liên 3 : Nội bộ</b>			Ký hiệu: AA/11P		
<i>Ngày 14 tháng 12 năm 2011</i>			Số: 0001203		
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh</b>					
Địa chỉ: <b>Thủy Đường, Thủy nguyên, Hải Phòng</b>					
Số tài khoản :					
Điện thoại : <b>0313873012</b>			MST : 0200577387		
Họ tên người mua hàng : <b>Nguyễn Mạnh Huy</b>					
Tên đơn vị : <b>Trường THPT Trần Phú</b>					
Địa chỉ : <b>12 Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng</b>					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán: <b>Hạn thanh toán 30 ngày</b>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
<b>1</b>	<b>Sổ A4 bìa cứng xanh mỏng</b>	<b>Quyển</b>	<b>2.300</b>	<b>10.000</b>	<b>23.000.000</b>
Cộng tiền hàng :					<b>23.000.000</b>
Thuế suất GTGT <b>10%</b>					Tiền thuế GTGT : <b>2.300.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán :					<b>25.300.000</b>
<i>Số tiền viết bằng chữ : Hai mươi năm triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./</i>					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

**Biểu 2.4 – Hóa đơn GTGT số 1203**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ/BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Đòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			<b>Phát sinh quý 4</b>					
			.....					
02/12/11	PX1226	02/12/11	Bán hàng cho trường Tiểu học Hợp Thành -Giá vốn			632 155	4.356.000	4.356.000
02/12/11	HĐ0001190	02/12/11	-Giá bán			111 511 3331	6.820.000	6.200.000 620.000
			.....					
14/12/11	PX1245	14/12/11	Bán hàng cho trường THPT Trần Phú -Giá vốn			632 155	17.365.000	17.365.000
14/12/11	HĐ0001203	14/12/11	-Giá bán			131 511 3331	25.300.000	23.000.000 2.300.000
			.....					
15/12/11	PX1246	15/12/11	Bán hàng cho khách lẻ -Giá vốn			632 155	5.025.000	5.025.000
15/12/11	HĐ0001222	15/12/11	-Giá bán			111 511 3331	6.853.000	6.230.000 623.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>27.565.881.550</b>	<b>27.565.881.550</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
**Biểu 2.3 – Sổ Nhật ký chung**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên. đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng

Số hiệu : 511

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
			.....					
02/12/11	HĐ0001190	02/12/11	Bán hàng cho trường Tiểu học Hợp Thành			111		6.200.000
03/12/11	HĐ0001191	03/12/11	Bán hàng cho khách lẻ			111		82.500
			.....					
14/12/11	HĐ0001203	14/12/11	Bán hàng cho trường THPT Trần Phú			131		23.000.000
			.....					
31/12/11	PKT122	31/12/11	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4			911	2.151.833.096	
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>2.151.833.096</b>	<b>2.151.833.096</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.5 – Sổ cái TK 511**

## 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

### 2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty

Giá vốn hàng bán tại Công ty là trị giá vốn của số thành phẩm xuất bán trong kì.

### 2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

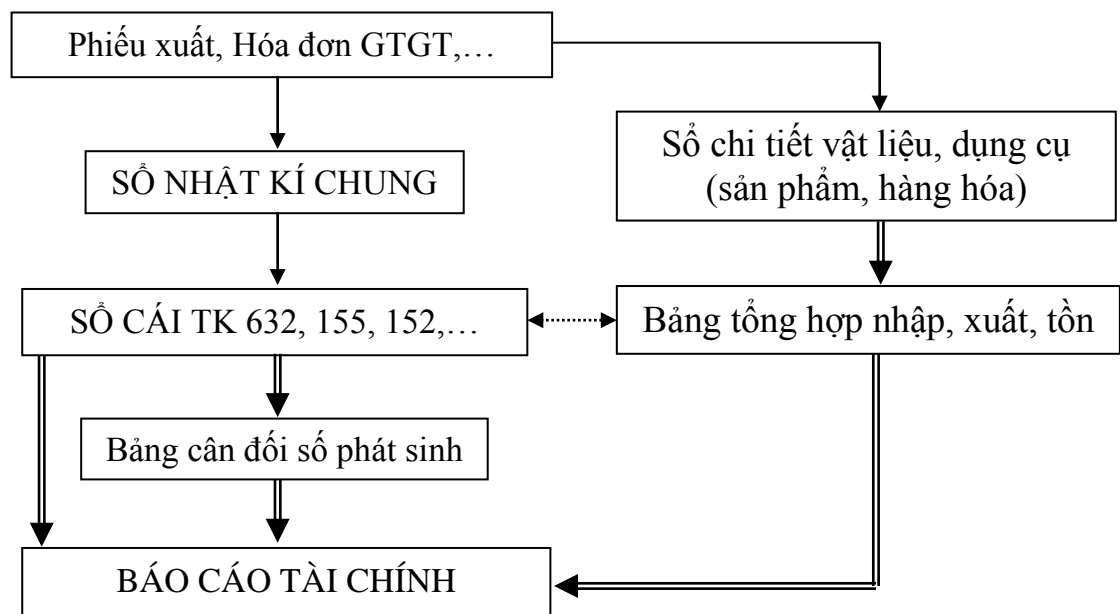
### 2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

### 2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh được khái quát qua sơ đồ 2.6

**Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**



Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK632, TK155, TK152, ... Đồng thời ghi vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa). Từ Sổ chi

tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa), kế toán ghi chép vào Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK155 với Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Số liệu trên Sổ cái TK632 và TK155 được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

#### **2.2.2.5. Ví dụ minh họa**

❖ Ví dụ 2.3: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

*Ngày 2/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh bán hàng cho trường Tiểu học Hợp Thành. Giá vốn 4.356.000 VNĐ, giá bán chưa thuế GTGT 10% là 6.200.000 VNĐ.*

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 :	4.356.000
Có TK 155 :	4.356.000
Nợ TK 111 :	6.820.000
Có TK 511 :	6.200.000
Có TK 3331 :	620.000

➤ Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 1226 (Biểu 2.6), kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.7), từ đó bút toán này được ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu 2.8).

❖ Ví dụ 2.4 : (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2)

*Ngày 14/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh bán cho trường THPT Trần Phú 2.300 quyển sổ A4 bìa cứng xanh mỏng, tổng số tiền thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là 25.300.000 VNĐ.*

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 :	17.365.000
Có TK 155 :	17.365.000
Nợ TK 131 :	25.300.000
Có TK 511 :	23.000.000
Có TK 3331 :	2.300.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Đồng	TK đ/tr	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			.....					
			<b>Phát sinh quý 4</b>					
			.....					
02/12/11	PX1226	02/12/11	Bán hàng cho trường Tiểu học Hợp Thành -Giá vốn			632 155	4.356.000	4.356.000
02/12/11	HĐ0001190	02/12/11	-Giá bán			111 511 3331	6.820.000	6.200.000 620.000
			.....					
14/12/11	PX1245	14/12/11	Bán hàng cho trường THPT Trần Phú -Giá vốn			632 155	17.365.000	17.365.000
14/12/11	HĐ0001203	14/12/11	-Giá bán			131 511 3331	25.300.000	23.000.000 2.300.000
			.....					
15/12/11	PX1246	15/12/11	Bán hàng cho khách lẻ -Giá vốn			632 155	5.025.000	5.025.000
15/12/11	HĐ0001222	15/12/11	-Giá bán			111 511 3331	6.853.000	6.230.000 623.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>27.565.881.550</b>	<b>27.565.881.550</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.7 – Sổ Nhật kí chung**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Năm 2011  
Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán  
Số hiệu : 632

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
			.....					
02/12/11	PX1225	2/12/11	Bán hàng cho cửa hàng G7 mart Thủy Hà			155	4.802.350	
02/12/11	PX1226	02/12/11	Bán hàng cho trường Tiểu học Hợp Thành			155	4.356.000	
03/12/11	PX1228	03/12/11	Bán hàng cho Trung tâm GDTX			155	3.624.500	
			.....					
14/12/11	PX1245	14/12/11	Bán hàng cho trường THPT Trần Phú			155	17.365.000	
			.....					
15/12/11	PX1250	15/12/11	Bán hàng cho khách lẻ			155	5.025.000	
			.....					
31/12/11	PKT123	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4			911		1.641.433.159
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>1.641.433.159</b>	<b>1.641.433.159</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.8 – Sổ cái TK 632**

### **2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.**

#### **2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng tại Công ty CPTM Cường Thịnh bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bằng tiền khác,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CPTM Cường Thịnh bao gồm các khoản chi phí quản lý chung, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN; chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

#### **2.2.3.2. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hóa đơn GTGT...

#### **2.2.3.3. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

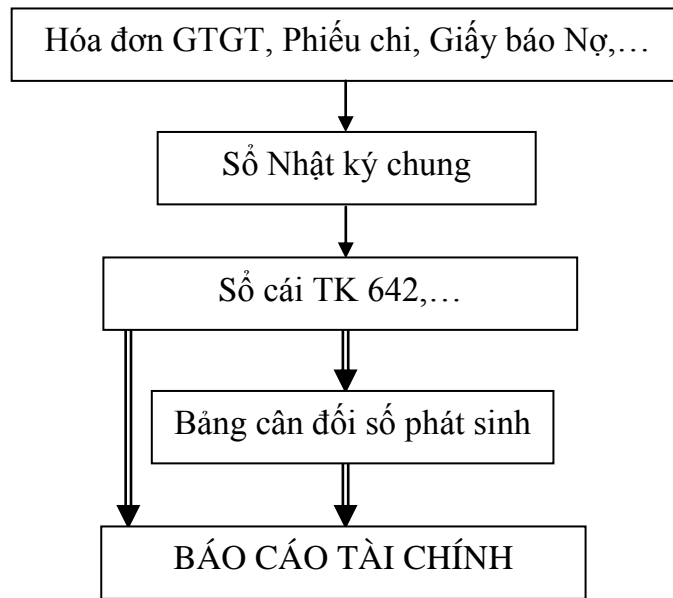
*Tài khoản 642 có 2 tài khoản chi tiết:*

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### **2.2.3.4. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh được khái quát qua sơ đồ 2.7.

**Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty CPTM Cường Thịnh**



Hàng ngày, căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Phiếu xuất kho, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hóa đơn GTGT,..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí bán hàng và Chi phí QLDN vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK641, TK642,...

Cuối tháng, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

**2.2.3.5. Ví dụ minh họa**

❖ Ví dụ 2.5

Ngày 08/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông cho Viễn thông Hải Phòng với số tiền là 448.701VNĐ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 407.910

Nợ TK 133: 40.791

Có TK 111: 448.701

➤ Căn cứ vào Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 3119084 ( Biểu số 2.9), kế toán lập Phiếu chi 730 (Biểu 2.10), Kế toán ghi chép nghiệp vụ này vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11) và Sổ cái TK 642 (Biểu 2.12).



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**  
**TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)**  
 Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKTT2/001  
 Ký hiệu: AA/11P  
 Số: 3119084

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông ( Telecommunication): Hải Phòng - TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng ( Customer's name): Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

Địa chỉ (Address): Thủy An - Thủy Đường- Thủy Nguyên- HP

Số điện thoại (Tel): 3873012

Mã số (code): HPG-10-001291 (H\_TNG42)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

MST: 0200577387

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng : 11/2011				
	a. Cước dịch vụ Viễn thông				407.910
	b. Cước dịch vụ Viễn thông không thuế:				0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
( a+b+c+d ) <b>Công tiền dịch vụ (Total) (1) :</b>					<b>407.910</b>
<b>Thuế suất GTGT ( VAT rate): 10%<math>\times</math>(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2) :</b>					<b>40.791</b>
(1+2+e) <b>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2)</b>					<b>448.701</b>

Số tiền viết bằng chữ (In words): Bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm linh một đồng

Ngày ... tháng...năm...

Người nộp tiền ký  
 ( Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký  
 (Signature of dealing staff)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
**Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**Mẫu số: 02-TT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU CHI**

*Ngày 08 tháng 12 năm 2011*

Số: 730  
Nợ: 6422  
Nợ: 133  
Có: 111

Họ và tên người nhận tiền : *Nguyễn Văn Linh*

Địa chỉ : *Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng*

Lý do nộp : *Thanh toán tiền  
cước dịch vụ viễn thông*

Số tiền : 448.701VNĐ (Viết bằng chữ) : *Bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm kinh một đồng chẵn./*

Kèm theo : 01 Chứng từ ắc

Đã nhận đủ tiền : 448.701VNĐ

*Ngày 08 tháng 12 năm 2011*

**Thủ trưởng đơn vị    KT trưởng    Người lập phiếu    Thủ quỹ    Người nhận tiền**

**Biểu số 2.10: Phiếu chi số 730**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Đòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			<b>Phát sinh quý 4</b>					
			.....					
02/12/11	PX1227	02/12/11	Xuất vật tư để đóng gói SP			6421 152	350.000	350.000
			.....					
3/12/11	PX1230	3/12/11	Xuất văn phòng phẩm cho P. Kế toán-Tài chính			6422 152	372.000	372.000
			.....					
08/12/11	PC730	08/12/11	Chi phí cước dịch vụ viễn thông			6422 133 111	407.910 40.791	448.701
			.....					
31/12/11	BPBLT12	31/12/11	Tính tiền lương cho BP QLDN			6422 334	45.509.500	45.509.500
31/12/11	BPBLT12	31/12/11	Tính tiền lương cho BP bán hàng			6421 334	28.917.998	28.917.998
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>27.565.881.550</b>	<b>27.565.881.550</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.11 – Sổ nhật ký chung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu : 642

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
			.....					
2/12/11	PX1227	2/12/11	Xuất CCDC cho P. Kế toán- Tài chính			153	252.000	
3/12/11	PC624	3/12/11	Chi phí tiếp khách			111	2.250.000	
3/12/11	PX1230	31/12/10	Xuất văn phòng phẩm cho P. Kế toán-Tài chính			152	372.000	
			.....					
08/12/11	PC730	08/12/11	Chi phí cước dịch vụ viễn thông			111	407.910	
			.....					
31/12/11	BPBKHT12	31/12/11	Trích khấu hao TSCĐ BP QLDN T12			214	149.598.659	
31/12/11	PKT123	31/12/11	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4			911		281.711.431
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>281.711.431</b>	<b>281.711.431</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.12– Sổ cái TK 642**

## 2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

### 2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, doanh thu hoạt động tài chính gồm có lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay.

### 2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

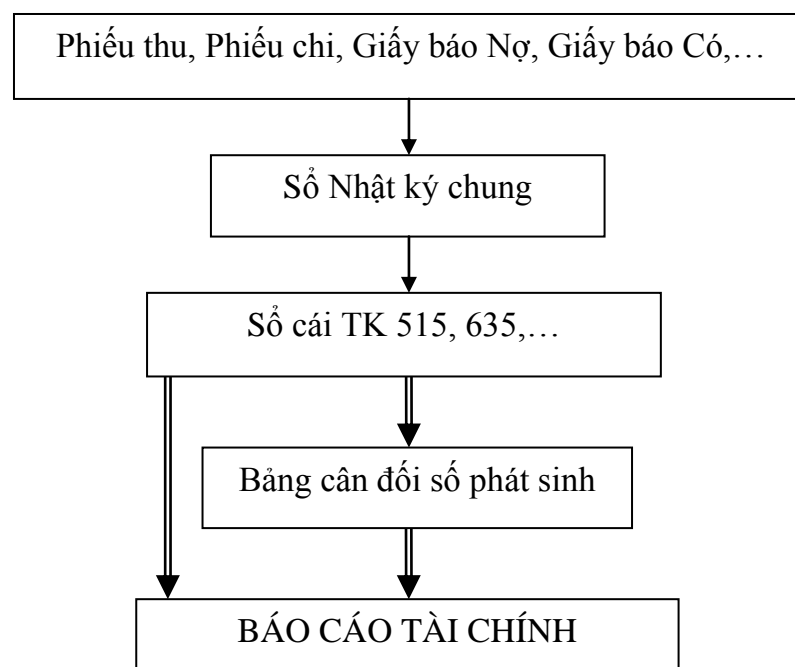
### 2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

### 2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CPTM Cường Thịnh được khái quát qua sơ đồ 2.8.

#### Sơ đồ 2.8 – Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh





Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động TC và Chi phí TC vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan.

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

Trong năm 2011, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 635.

#### 2.2.4.5. Ví dụ minh họa

##### ❖ Ví dụ 2.6

Ngày 25/12/2011, ngân hàng Thương mại Á Châu trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2011. Số tiền là .375.260VNĐ.

##### ➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 375.260

Có TK 515 : 375.260

➤ Căn cứ vào Giấy báo Có ngày 25/12/2011 (Biểu 2.12), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.13), từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 515 (Biểu 2.14).

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU  
ASIA COMMERCIAL BANK**

Mã GDV : BATCH  
Mã KH : 10375

**GIẤY BÁO CÓ**

Số GD : 0

Ngày : 25/12/2011

**Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số tài khoản ghi CÓ : 9704060116

Số tiền bằng số : **375.260**

Số tiền bằng chữ : [+] Ba trăm bảy mươi năm nghìn hai trăm sáu mươi đồng

Nội dung : ## Lãi nhập vốn ##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

#### **Biểu 2.13 – Giấy báo Có**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			.....					
			<b>Phát sinh quý 4</b>					
			.....					
14/12/11	PX1245	14/12/11	Bán hàng cho trường THPT Trần Phú -Giá vốn			632 155	17.365.000	17.365.000
14/12/11	HĐ0001203	14/12/11	-Giá bán			111 511 3331	25.300.000	23.000.000 2.300.000
			.....					
25/12/11	GBC2512	25/12/11	NH trả lãi tiền gửi T12			112 515	375.260	375.260
25/12/11	PC740	25/12/11	Chi phí tiếp khách			642 111	525.300	525.300
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>27.565.881.550</b>	<b>27.565.881.550</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.14 – Sổ Nhật ký chung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK d/tr	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
			.....					
25/11/11	GBC2511	25/11/11	NH trả lãi tiền gửi T11			112		203.051
25/12/11	GBC2512	25/12/11	NH trả lãi tiền gửi T12			112		375.260
			.....					
31/12/11	PKT122	31/12/11	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Quý 4			911	2.238.607	
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>2.238.607</b>	<b>2.238.607</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.15 – Sổ cái TK 515**

## 2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

### 2.2.5.1. Nội dung thu nhập khác và chi phí khác

Tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh thu nhập khác bao gồm thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, doanh thu bán phế liệu,...

Chi phí khác là các chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ, phế liệu...

### 2.2.5.2. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT,...

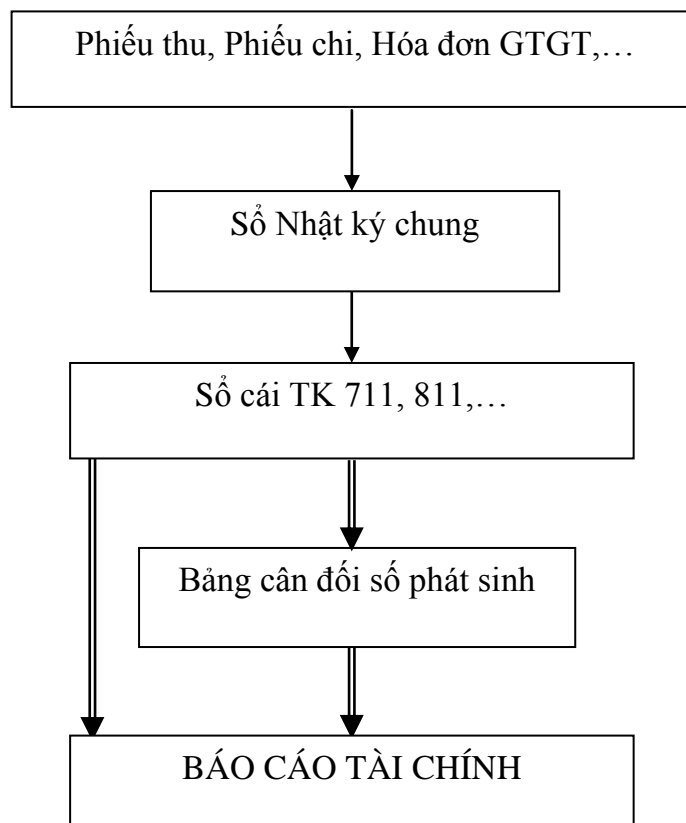
### 2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác
- Tài khoản 811 – Chi phí khác

### 2.2.5.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh được khái quát qua sơ đồ 2.9.

**Sơ đồ 2.9 – Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ của các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác, chi phí khác, kế toán ghi chép các nghiệp vụ đó vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép vào Sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối quý, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được dùng để lập BCĐSPS.

#### 2.2.5.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.7:

*Ngày 30/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh tiến hành nhượng bán máy cắt SIG 501 có nguyên giá là 70.000.000, đã trích khấu hao được 5 năm, giá trị còn lại của TSCĐ trên là 19.166.667. Công ty CPTM Cường Thịnh đã bán được chiếc máy cắt trên với giá 11.000.000 cho ông Nguyễn Minh Hải và đã thu bằng tiền mặt.*

➤ Kế toán định khoản:

+) Nợ TK 214 : 50.833.333	+) Nợ TK 111 : 11.000.000
Nợ TK 811 : 19.166.667	Có TK 711 : 10.000.000
Có TK 211 : 70.000.000	Có TK 3331 : 1.000.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001237 ( Biểu số 2.16), kế toán lập Phiếu kế toán để xóa sổ TSCĐ (Biểu số 2.17), lập Phiếu thu số 752 (Biểu 2.18), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19), từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 711 (Biểu 2.20), Sổ cái TK 811 (Biểu 2.21).

<b>HÓA ĐƠN</b>				<b>Mẫu số: 01GTKT-001</b>	
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				Ký hiệu: AA/11P	
<b>Liên 3 : Nội bộ</b>				Số: 0001237	
Ngày 30 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh</b>					
Địa chỉ : <b>Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng.</b>					
Số tài khoản :					
Điện thoại : <b>0313873012</b>				MST : 0200577387	
Họ tên người mua hàng : <b>Nguyễn Minh Hải</b>					
Tên đơn vị : <b>Hòa Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng</b>					
Địa chỉ :					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : <b>Tiền mặt</b>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	<b>Máy cắt SIG501</b>	<b>cái</b>	<b>1</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cộng tiền hàng :					<b>10.000.000</b>
Thuế suất GTGT <b>10%</b>		Tiền thuế GTGT :			<b>1.000.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán :					<b>11.000.000</b>
Số tiền viết bằng chữ : <b>Mười một triệu đồng chẵn./</b>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.16 : Hóa đơn GTGT số 1237**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
 Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
 Ngày 30 tháng 12 năm 2011  
 Số: 120

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xóa sổ tài sản cố định	214	211	50.833.333	
	811	211	19.166.667	
<b>Cộng</b>			<b>70.000.000</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.17 – Phiếu kế toán số 120**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
 Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số: 01-TT**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-  
 BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng  
 BTC)

**PHIẾU THU**  
 Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Số: 752  
 Nợ: 111  
 Có: 711  
 Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền : *Nguyễn Minh Hải*  
 Địa chỉ : *Hoà Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng*  
 Lý do nộp : *Thanh toán tiền mua máy cắt SIG 501*  
 Số tiền : *11.000.000*

(Viết bằng chữ) *Mười một triệu đồng  
 chẵn./*

Kèm theo : *01* Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : *11.000.000*  
 VNĐ

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị    KT trưởng    Người lập phiếu    Thủ quỹ    Người nhận tiền

**Biểu 2.18– Phiếu thu số 752**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			.....					
			<b>Phát sinh quý 4</b>					
			.....					
30/12/11	PKT120	30/12/11	Xóa sổ TSCĐ			214	50.833.333	
30/12/11	PKT120	30/12/11	-Hao mòn TSCĐ			811	19.166.667	
			-Giá trị còn lại			211		70.000.000
30/12/11	PT752	30/12/11	-Nhượng bán máy cắt SIG501			111	11.000.000	
						711		10.000.000
						3331		1.000.000
30/12/11	PX1277	30/12/11	Bán hàng cho cửa hàng Nguyên Liên			632	10.192.000	
			-Giá vốn			155		10.192.000
30/12/11	HĐ0001241	30/12/11	-Giá bán			131	13.200.000	
						511		12.000.000
						3331		1.200.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>27.565.881.550</b>	<b>27.565.881.550</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.19 – Sổ Nhật ký chung**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
**Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
			.....					
30/12/11	PT752	30/12/11	Bán máy cắt SIG 501			111		10.000.000
31/12/11	PKT122	31/12/11	Kết chuyển thu nhập khác quý 4			911	65.826.750	
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>65.826.750</b>	<b>65.826.750</b>

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kê toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.20 – Sổ cái TK 711**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí khác

Số hiệu : 811

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
			.....					
30/12/11	PKT120	30/12/11	Thanh lý máy cắt SIG 501					
			-Giá trị còn lại			211	19.166.667	
31/12/11	PKT123	31/12/11	Kết chuyển chi phí khác quý 4			911		60.170.400
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>60.170.400</b>	<b>60.170.400</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.21– Sổ cái TK 811**

## **2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

### **2.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

### **2.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết : Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

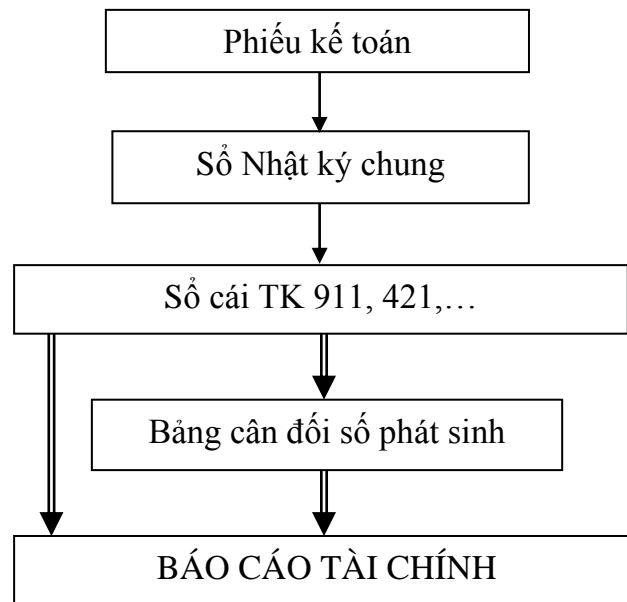
### **2.2.6.3. Quy trình hạch toán**

Cuối quý, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ trên được ghi chép vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào các Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh được khái quát qua sơ đồ 2.10.

**Sơ đồ 2.10 – Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

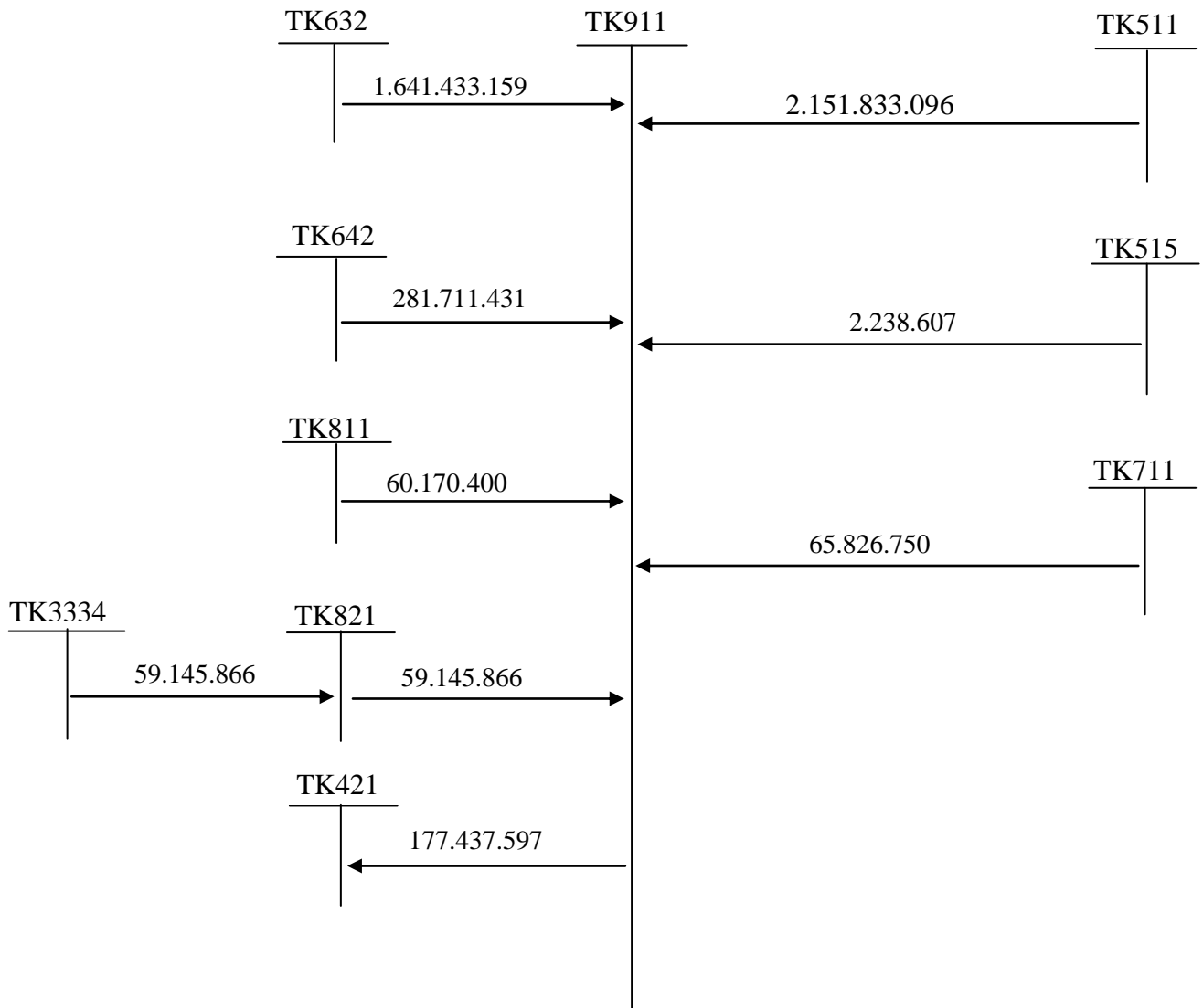


**2.2.6.4. Ví dụ minh họa**

❖ Ví dụ 2.8:

Ngày 31/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2011.

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí có thể được khái quát qua sơ đồ sau:



Cuối quý, kế toán lập Phiếu kế toán số 122, 123, 124, 125, 126 (Biểu 2.23, 2.24, 2.25, 2.26, 2.27). Căn cứ vào các Phiếu kế toán trên, kế toán ghi chép vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào các Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Số: 122

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4	511	911	2.151.833.096	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	2.238.607	
Kết chuyển thu nhập khác quý 4	711	911	65.826.750	
<b>Cộng</b>			<b>2.219.898.453</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.23 – Phiếu kế toán số 122**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Số: 123

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	632	1.641.433.159	
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911	642	281.711.431	
Kết chuyển chi phí khác quý 4	911	811	60.170.400	
<b>Cộng</b>			<b>1.983.314.990</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.24 – Phiếu kế toán số 123**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Số: 124

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN quý 4	821	3334	59.145.866	
<b>Cộng</b>			<b>59.145.866</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.25 – Phiếu kế toán số 124**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Số: 125

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	911	821	59.145.866	
<b>Cộng</b>			<b>59.145.866</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.26 – Phiếu kế toán số 125**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Số: 126

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi quý 4	911	421	177.437.597	
<b>Cộng</b>			<b>177.437.597</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.27 – Phiếu kế toán số 126**



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			.....					
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
			.....					
31/12/11	PKT122	31/12/11	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4 Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4 Kết chuyển thu nhập khác quý 4			511 515 711 911	2.151.833.096 2.238.607 65.826.750	2.219.898.453
31/12/11	PKT123	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4 Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4 Kết chuyển chi phí khác quý 4			911 632 642 811	1.983.314.990	1.641.433.159 281.711.431 60.170.400
31/12/11	PKT124	31/12/11	Xác định thuế TNDN quý 4			821 3334	59.145.866	59.145.866
31/12/11	PKT125	31/12/11	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			911 821	59.145.866	59.145.866
31/12/11	PKT126	31/12/11	Kết chuyển lãi quý 4			911 421	177.437.597	177.437.597
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>27.565.881.550</b>	<b>27.565.881.550</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.28 – Sổ Nhật ký chung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
31/12/11	PKT122	31/12/11	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4			511		2.151.833.096
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4			515		2.238.607
			Kết chuyển thu nhập khác quý 4			711		65.826.750
31/12/11	PKT123	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4			632	1.641.433.159	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4			642	281.711.431	
			Kết chuyển chi phí khác quý 4			811	60.170.400	
31/12/11	PKT125	31/12/11	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			821	59.145.866	
31/12/11	PKT126	31/12/11	Kết chuyển lãi quý 4			421	177.437.597	
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>2.219.898.453</b>	<b>2.219.898.453</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.29 – Sổ cái TK 911**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
 Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp  
 Số hiệu : 821

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
31/12/11	PKT124	31/12/11	Xác định thuế TNDN quý 4			3334	59.145.866	
31/12/11	PKT125	31/12/11	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			911		59.145.866
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>				<b>59.145.866</b>	<b>59.145.866</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.30- Sổ cái TK 821**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
 Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý 4</b>					<b>340.252.200</b>
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>					
31/12/11	PKT126	31/12/11	Kết chuyển lãi quý 4			911		177.437.597
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>					<b>177.437.597</b>
			<b>Số dư cuối quý 4</b>					<b>517.689.797</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.31 – Sổ cái TK 421**

## **CHƯƠNG III : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

### **3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

#### **3.1.1. Ưu điểm**

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại Công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những ưu điểm như sau:

##### **❖ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Việc tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm. Với 4 thành viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Thực hiện nghiêm túc các chính sách Nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh vào nhiều thời điểm trong năm tài chính.

Với mô hình này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các cơ quan quản lý, ngân hàng, ... cũng có thể nắm bắt được các thông tin về Công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát, hay có thể bảo vệ quyền lợi của họ.

Các thành viên trong phòng Kế toán – Tài chính đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hóa công việc và nâng cao trình độ kế toán viên.

**❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán**

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

Tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có đầy đủ các chứng từ liên quan, đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

**❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

**❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Về công tác kế toán doanh thu : Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó, góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách xác thực nhất cho ban lãnh đạo của công ty.

Về công tác kế toán chi phí : Chi phí là một chỉ tiêu mà các nhà quản lý luôn luôn quan tâm và tìm mọi cách để giảm tối thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết. Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này rất phù hợp với công ty có nhiều mặt hàng như Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh : Công tác kế toán xác

định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ Tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là các hạn chế của Công ty mà em tìm hiểu được:

#### **❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò hết sức quan trọng. Công tác kế toán sẽ thực sự đạt hiệu quả khi có một hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Một hệ thống sổ sách đầy đủ phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và hệ thống sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán doanh thu, chi phí thì Công ty mới chỉ sử dụng hệ thống sổ tổng hợp.

Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh có rất nhiều mặt hàng, nhưng khi hạch toán doanh thu Công ty mới chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ cái, chưa lập Sổ Chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Điều này gây khó khăn rất lớn cho việc theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, cũng như khó xác định được lợi nhuận gộp mà từng mặt hàng đem lại. Vì thế, khó có thể kết luận được những mặt hàng nào bán chạy, đem lại lợi nhuận gộp cao, cần đẩy mạnh sản xuất hay mặt hàng nào không được ưa chuộng, đem lại lợi nhuận gộp thấp, cần xem xét, nghiên cứu để nâng cao chất lượng. Từ đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đề ra các chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh cho các kỳ tiếp theo.

Mặc dù Công ty rất chặt chẽ trong việc quản lý chi phí, nhưng cũng vì khối lượng công việc quá lớn, mà bộ máy kế toán thì quá ít người, không hạch toán được chi tiết các khoản chi, nên Công ty không mở các tiểu khoản, đồng thời không mở sổ chi tiết để theo dõi các khoản chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc theo dõi và quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu các sổ sách kế toán. Đồng thời

không thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng cụ thể, Công ty sẽ khó xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

❖ ***Về việc hiện đại hóa công tác kế toán***

Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh là một công ty khá lớn. Các nhân viên kế toán của công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm với sổ sách nhưng công ty vẫn sử dụng hình thức thủ công. Mặc dù kế toán của công ty có trình độ cao nhưng phòng Kế toán – Tài chính khó có thể theo dõi và quản lý chi tiết từng mặt hàng, từng khoản mục nếu không hiện đại hóa công tác kế toán.

❖ ***Về việc áp dụng kế toán quản trị***

Hiện nay, hệ thống kế toán của Công ty vẫn chủ yếu về lĩnh vực kế toán tài chính. Kế toán quản trị chưa được chú trọng, đội ngũ nhân viên kế toán chưa được phân công công việc rõ ràng, cụ thể thành hai nhánh là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Do đó, các thông tin kế toán phục vụ cho các nhà quản trị công ty vẫn còn nhiều hạn chế. Để hệ thống kế toán của công ty có thể phát huy tốt nhất chức năng của mình thì việc tổ chức hệ thống kế toán này theo mô hình hỗn hợp, gồm hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một hệ thống kế toán là hết sức cần thiết.

❖ ***Về chính sách chiết khấu thương mại***

Hiện tại, Công ty chưa có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua với số lượng lớn. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng tới tính cạnh tranh của sản phẩm của Công ty.

❖ ***Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán***

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng theo trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.



### **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

Một doanh nghiệp hoạt động tốt hay không phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Nó không những là từ những nguyên nhân khách quan như những thay đổi từ thị trường, thị hiếu tiêu dùng, các chính sách của nhà nước... Mà còn phụ thuộc vào những yếu tố chủ quan phát sinh từ chính doanh nghiệp như bộ máy tổ chức quản lý, các định hướng và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp mình. Từ đó đòi hỏi các nhà quản trị phải nắm bắt được thông tin, ra các quyết định chiến lược đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế, là người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Có thể nói phần lớn các quyết định của nhà quản trị đều được xây dựng trên cơ sở là nguồn số liệu của kế toán.

Lợi nhuận luôn là chỉ tiêu mà các chủ doanh nghiệp quan tâm, nó cho biết hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả không và hiệu quả tới mức nào. Để đạt được lợi nhuận cao thì công ty không chỉ chú trọng vào tăng doanh thu mà còn phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, và phải tính toán chính xác kết quả hoạt động kinh doanh. Bởi vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng. Nó ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả cuối cùng mà công ty đạt được. Mỗi Công ty đều có những hạn chế nhất định, nếu không khắc phục chúng thì sẽ ảnh hưởng theo hướng tiêu cực tới lợi nhuận của công ty.

Như đã nói ở trên, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh cũng còn một số hạn chế nhất định. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh là hết sức cần thiết. Việc hoàn thiện này sẽ giúp cho Công ty hạch toán được đầy đủ và chi tiết hơn các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, đồng thời lập đầy đủ sổ sách kế toán, qua đó cung cấp đầy đủ, chi tiết, kịp thời các thông tin cần thiết cho Ban quản lý của Công ty và các đối tượng khác có liên quan.

### **3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

#### **3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh**

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi Công ty đều có vai trò hết sức quan trọng. Công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng sẽ thực sự đạt hiệu quả khi có một hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Từ đó, công tác kế toán mới có thể đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác, giúp Ban lãnh đạo nắm được tình hình hoạt động của Công ty một cách đầy đủ và dễ dàng. Một hệ thống sổ sách đầy đủ phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và hệ thống sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán doanh thu, chi phí công ty mới chỉ sử dụng hệ thống sổ tổng hợp. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để thuận tiện cho việc theo dõi các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng nắm được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm, qua đó Ban lãnh đạo công ty sẽ có các chính sách, chiến lược đúng đắn hơn.

Đối với kế toán doanh thu, Công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng sản phẩm. Có như vậy thì Công ty mới nắm được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm, qua đó biết được doanh thu, giá vốn, lãi gộp của từng sản phẩm. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ biết được mặt hàng nào đang được ưa chuộng và mặt hàng nào đang kém cạnh tranh trên thị trường, để đưa ra được các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm đẩy mạnh tình hình tiêu thụ sản phẩm và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, Công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái Tài khoản 511, để kiểm tra xem số liệu có chính xác và logic không. Việc lập các Sổ này giúp cho công tác quản lý kế toán doanh thu được cụ thể và chặt chẽ hơn.

Dưới đây là mẫu Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1) và mẫu Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (Biểu 3.2).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
 Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) : .....

Năm : .....

Quyển số : .....

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/tr	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			<b>Cộng số phát sinh</b>						
			<b>-Doanh thu thuần</b>						
			<b>-Giá vốn hàng bán</b>						
			<b>-Lãi gộp</b>						

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...  
**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 3.1 – Mẫu Sổ chi tiết bán hàng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
**Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tháng ..... năm.....

STT	Tên hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền
	Cộng			

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

*Ngày...tháng...năm*  
**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu 3.2 – Mẫu Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ, ngoài các Sổ sách Công ty đã lập như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, kế toán sẽ ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ chi tiết bán hàng.

Nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mặt hàng nào sẽ được phản ánh vào Sổ chi tiết bán hàng của mặt hàng đó.

Cuối tháng, số liệu của các mặt hàng trên các Sổ chi tiết bán hàng được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

❖ **Ví dụ 3.1** : (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá bán của ví dụ 2.2)

*Ngày 14/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh bán cho trường THPT Trần Phú 2.300 quyển sổ A4 bìa cứng xanh mỏng, giá vốn là 17.365.000, tổng số tiền thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là 25.300.000VNĐ.*

➤ **Kế toán định khoản:**

Nợ TK 632 : 17.365.000  
 Có TK 155 : 17.365.000  
 Nợ TK 111 : 25.300.000  
 Có TK 511 : 23.000.000  
 Có TK 3331 : 2.300.000

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001203 (Biểu 2.1), kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.3).

Cuối tháng, số liệu trên Sổ chi tiết bán hàng của sản phẩm này được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
 Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) : Sổ A4 bìa cứng xanh mỏng  
 Năm : 2011

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Phát sinh trong quý 4						
			.....						
07/12/11	GBC0712	07/12/11	Bán hàng cho trường THPT Lý Thường Kiệt	112	1000	10.000	10.000.000		
11/12/11	HĐ0001200	11/12/11	Bán hàng cho cửa hàng Hiền Đầu	131	800	10.000	8.000.000		
14/12/11	HĐ0001203	14/12/11	Bán hàng cho trường THPT Trần Phú	131	2.300	10.000	23.000.000		
			.....						
			<b>Cộng số phát sinh</b>						
			<b>-Doanh thu thuần</b>						
			<b>-Giá vốn hàng bán</b>						
			<b>-Lãi gộp</b>						

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 3.3 – Sổ chi tiết bán hàng**

Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi phí. Hiện tại, công ty chỉ lập Sổ cái cho các tài khoản chi phí như 632, 642,... Như vậy thì không thể theo dõi được từng yếu tố chi phí chi tiết từng khoản chi, gây khó khăn cho việc quản lý.

Đối với Tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”, công ty nên mở các Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh cho từng mặt hàng, qua đó có thể biết được cụ thể giá vốn của từng mặt hàng, để từ đó tính được lợi nhuận gộp mà mỗi mặt hàng đem lại.

Đối với Tài khoản 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”, Công ty nên mở Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh để theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí. Cụ thể như sau:

TK 6421 – “Chi phí bán hàng” sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

- TK 64211 : Chi phí nhân viên
- TK 64212 : Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 64213 : Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 64214 : Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 64217 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64218 : Chi phí bằng tiền khác

TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

- TK 64221 : Chi phí nhân viên quản lý
- TK 64222 : Chi phí vật liệu quản lý
- TK 64223 : Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 64224 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 64225 : Thuế, phí và lệ phí
- TK 64226 : Chi phí dự phòng
- TK 64227 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64228 : Chi phí bằng tiền khác

Dưới đây là mẫu Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Biểu 3.4):

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
 Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**Mẫu số S36-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản : .....

Tên phân xưởng : .....

Tên sản phẩm, dịch vụ : .....

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Ghi nợ TK ...					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
						...	...	...	...	...
			<b>Số dư đầu kỳ</b>							
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>							
			<b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>							
			<b>Ghi Có TK ...</b>							
			<b>Số dư cuối kỳ</b>							

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...  
**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 3.4 – Mẫu Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ, ngoài các Sổ sách công ty đã lập như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, kế toán sẽ ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào các Sổ chỉ phí sản xuất, kinh doanh.

Nghiệp vụ phát sinh liên quan đến giá vốn mặt hàng nào sẽ được phản ánh vào Sổ chỉ phí sản xuất, kinh doanh của mặt hàng đó.

Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng như : Chi phí nhân viên; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí dụng cụ, đồ dùng; chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí bảo hành; chi phí bằng tiền khác; chi phí dịch vụ mua ngoài sẽ được ghi tương ứng với các cột chi phí đã chia ra trong Sổ chỉ phí sản xuất, kinh doanh của tài khoản 6421.

Tương tự như vậy, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp như : Chi phí nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác sẽ được ghi tương ứng với các cột chi phí đã chia ra trong Sổ chỉ phí sản xuất, kinh doanh của tài khoản 6422.

❖ Ví dụ minh họa:

- Ví dụ 1 (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2 )

*Ngày 14/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh bán cho trường THPT Trần Phú, giá vốn là 17.365.000, tổng số tiền thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là 25.300.000VNĐ.*

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 17.365.000

Có TK 155 : 17.365.000

Nợ TK 111 : 25.300.000

Có TK 511 : 23.000.000

Có TK 3331 : 2.300.000

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 1245, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ chỉ phí sản xuất, kinh doanh (Biểu 3.5).

❖ Ví dụ 2

Ngày 08/12/2011, Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông cho Viễn thông Hải Phòng với số tiền là 448.701VND.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 407.910

Nợ TK 133: 40.791

Có TK 111: 448.701

➤ Căn cứ vào Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 3119084, Phiếu chi 730, Kế toán phản ánh nghiệp vụ này vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
**Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**Mẫu số S36-DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản : 632

Tên sản phẩm, dịch vụ : Sổ A4 bìa cứng xanh mỏng  
 Năm 2011

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 632		
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			<b>Số phát sinh trong quý 4</b>				
02/12/12	PX1228	02/12/11	Bán hàng cho trường THPT Phạm Ngũ Lão	155	16.654.000	2.200	7.570
05/12/11	PX1231	05/12/11	Bán hàng cho cửa hàng G7mart	155	2.293.710	303	7.570
07/12/11	PX1234	07/12/11	Bán hàng cho trường THPT Lý Thường Kiệt	155	7.570.000	1000	7.570
11/12/11	PX1240	11/12/11	Bán hàng cho cửa hàng Hiền Đẩu	155	6.056.000	800	7.570
14/12/11	PX1245	14/12/11	Bán hàng cho trường THPT Trần Phú	155	17.365.000	2.300	7.550
			.....				
			<b>Cộng phát sinh trong quý 4</b>				
			<b>Ghi có TK 632</b>	<b>911</b>			

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*  
**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu 3.5 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**  
**Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**Mẫu số S36-DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tài khoản : 6422

Năm 2011

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 6422					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
						TK64221	TK64222	.....	TK64227	...
			<b>Số phát sinh trong quý 4</b>							
			.....							
3/12/11	PX1230	3/12/11	Xuất VPP cho P. Kế toán-Tài chính	152	372.000		372.000			
			.....							
8/12/11	PC 730	8/12/11	Chi phí cước DV viễn thông		407.910				407.910	
31/12/11	PKT123	31/12/11	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911	206.969.107					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu 3.6 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**

### 3.2.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh

Khối lượng công việc kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh khá lớn, tuy nhiên công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng Kế toán – Tài chính được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Excel. Công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán hoặc có thể đặt hàng công ty chuyên nghiệp viết phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty và cài đặt để sử dụng.

Hiện nay, em nhận thấy có khá nhiều phần mềm đang được sử dụng hoặc mới được đưa ra thị trường, như phần mềm kế toán MISA, SASINNOVA, EFFECT, MetaData Accounting,...

Phổ biến nhất là phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA. Trải qua các giai đoạn phát triển, tính đến nay, MISA có khá nhiều phiên bản. Đối với doanh nghiệp thì MISA SME.NET 2012 là sản phẩm phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất của Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính, kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các phần mềm kế toán MISA không những cập nhật kịp các chế độ, quy định mới của Bộ Tài chính mà còn giải quyết được các yêu cầu thực tế phát sinh của doanh nghiệp, như đáp ứng hệ thống báo cáo quản trị, thường xuyên cập nhật các tính năng mới... Điểm đặc biệt, MISA biết lắng nghe những phản ánh thực tế của các đơn vị sử dụng phần mềm, ghi nhận và điều chỉnh kịp thời trong phần mềm.” MISA là doanh nghiệp Công nghệ thông tin uy tín và cũng là 1 trong 4 đơn vị đầu tiên được Tổng cục Thuế tin cậy, thẩm định phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 đủ điều kiện đáp ứng Nghị định 51/2010/NĐ-CP. Phần mềm kế toán MISA luôn tiên phong trong các ứng dụng tiên tiến như việc tích hợp và sử dụng chữ ký số giúp doanh nghiệp kê khai và nộp thuế qua mạng...”

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 có nhiều phân hệ. Ví dụ như

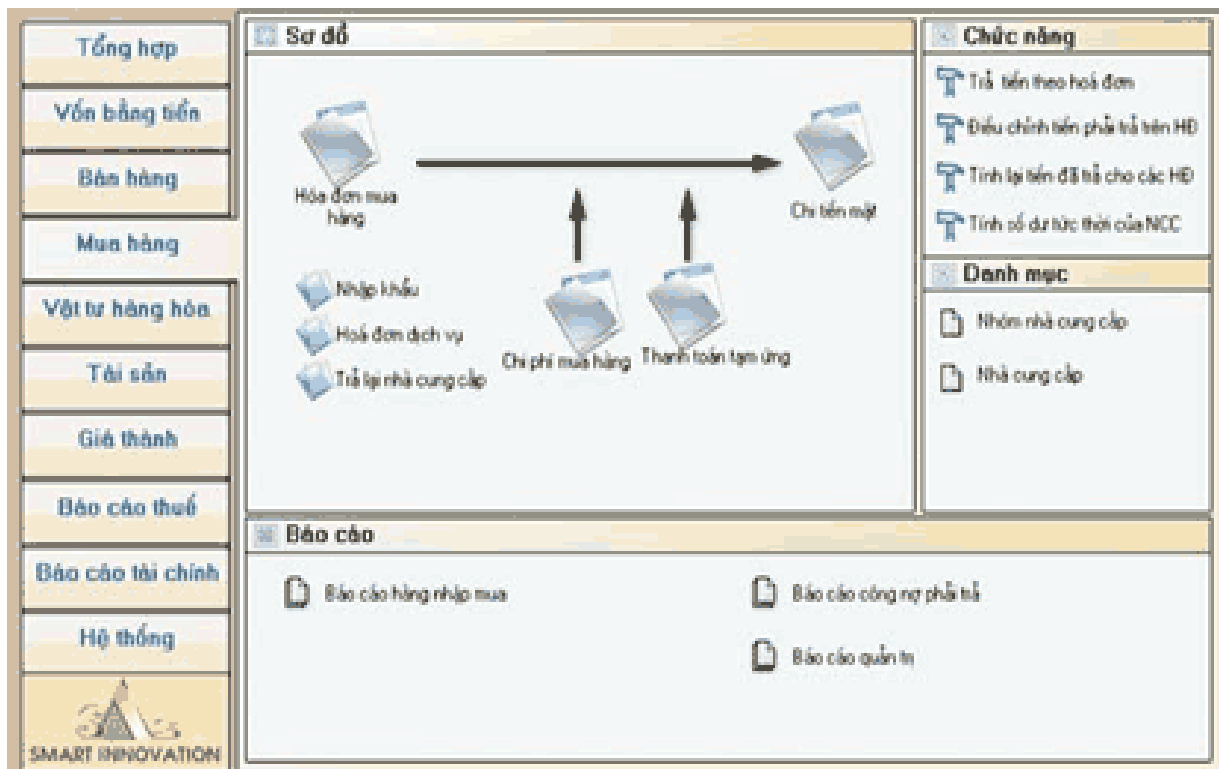
trong phân hệ thuế, MISA SME.NET 2012 có thể tự động lập bảng kê thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai...; in báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của Tổng cục thuế. Đặc biệt, phiên bản này còn hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP. Nó có thể đáp ứng 3 hình thức hóa đơn: Hóa đơn tự in, Hóa đơn đặt in, Hóa đơn điện tử. Nó cũng có thể quản lý được số hóa đơn hủy, mất, cháy, hỏng, xóa bỏ và tự động lập Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn. Phần mềm này có thể tự cập nhật được các thông tư, quy định mới do Nhà nước ban hành.



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Chỉ với 6.450.000 Công ty có thể sở hữu được phần mềm kế toán này.

Công ty cũng có thể cân nhắc phần mềm kế toán khác như *SAS INNOVA* của Công ty Cổ phần SIS Việt Nam. Hiện nay, *SAS INNOVA* có sản phẩm mới là *SAS INNOVA 2012 OPEN*. *SAS INNOVA 2012 OPEN* ra mắt vào 2/6/2012, không những kế thừa những tính năng nổi trội của những phiên bản phần mềm kế toán trước đây mà còn phát triển nhiều tính năng mới xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi của người kế toán và nhà quản trị doanh nghiệp trong xử lý công việc thực tế hàng ngày.

Sau khi cập nhật phần lớn tất cả các lỗi phiên bản trước, phiên bản này có nhiều tính năng ưu việt như : Thiết kế đơn giản theo từng qui trình nghiệp vụ, dễ sử dụng, có hướng dẫn bằng Multi-Media. Đưa vào trợ giúp Qui trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán, tài chính, các qui chế nội bộ. Tính giá thành định mức hoàn hảo. Tích hợp Mã vạch 2 chiều để in Tờ khai thuế, cho phép copy chứng từ trên tất cả các phiếu. Cho phép thao tác các nghiệp vụ trên Phiếu. Quản lý số liệu theo nhiều đơn vị, nhiều xí nghiệp thành viên, nhiều mảng hoạt động. Quản lý số liệu theo nhiều năm làm việc, cho phép xem số liệu liên năm (đặc biệt trong các công trình xây dựng và các dây chuyền sản xuất). Theo dõi nhiều đơn vị tính của hàng hoá vật tư, cho phép tự động qui đổi đơn vị tính. Thêm nhiều trường tự do để người dùng tự định nghĩa mà không cần nhà sản xuất phải chỉnh sửa. Bổ xung thêm trạng thái của chứng từ nhằm mềm dẻo quá trình quản lý, giảm các khâu công việc chồng chéo, theo dõi được tình trạng xử lý của công việc, phản ánh chính xác tình trạng của công việc.



**Sơ đồ phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả**

Phần mềm kế toán SAS INNOVA 2012 OPEN phân quyền chương trình đến từng chức năng, từng thao tác của người sử dụng. Hoàn thiện việc theo dõi dấu vết của người sử dụng, làm rõ trách nhiệm trong công việc. Cho phép khấu trừ lùi thuế, tiện ích cho người sử dụng có thể tính thuế xuôi hoặc ngược.... Phần mềm này có thể hỗ trợ được các loại hình thức sổ kế toán và cũng khá phù hợp với Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.

Ngoài hai phần mềm kế toán trên, còn có phần mềm kế toán EFFECT hoạt động cũng tương đối hiệu quả.

EFFECT-SQL Standard là phần mềm được thiết kế sẵn các nghiệp vụ và hệ thống sổ sách báo cáo cả theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC và quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Phiên bản EFFECT-SQL Standard cung cấp khả năng quản lý các thông tin kế toán theo: Vụ việc, Hợp đồng, Tính giá thành sản phẩm (dành cho các doanh nghiệp sản xuất), quản lý theo địa danh và quản lý thêm nhiều thông tin khác ngoài hệ thống kế toán nhằm mục đích hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. EFFECT-SQL Standard chứa đựng các báo cáo quản trị hình cây mở rộng hơn phiên bản EFFECT-Small rất thuận tiện trong việc cung cấp thông tin quản trị linh hoạt cho lãnh đạo doanh nghiệp. Về mặt tin học, EFFECT-SQL



Standard sử dụng cơ sở dữ liệu SQL Server 2005 Express miễn phí của Microsoft nên có thể đáp ứng được cho các doanh nghiệp có khối lượng dữ liệu kế toán lớn nhưng doanh nghiệp vẫn không phải trả chi phí bản quyền cho SQL Server. Đây cũng là một trong những phần mềm kế toán phù hợp với Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh hiện nay.

Với khả năng có thể chạy được từ xa trên qua VPN (mạng riêng ảo), EFFECT-SQL Standard sẽ cho phép người dùng ở xa tác nghiệp trên phần mềm và đặc biệt sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm nhiều chi phí khi có các điểm phụ thuộc hoạt động phân tán. Khi doanh nghiệp phát triển cao hơn, cần có các yêu cầu quản lý đặc thù riêng và phức tạp thì đã có sẵn phiên bản phần mềm customize mạnh mẽ là EFFECT-SQL 4.0 để doanh nghiệp nâng cấp tương thích 100% về dữ liệu và cách sử dụng phần mềm.



Mặc dù EFFECT chủ trương tích hợp các tính năng mạnh nhất có thể của một phần mềm kế toán đóng gói vào EFFECT-SQL Standard nhưng giá cả phần mềm lại rất cạnh tranh, chỉ 5 triệu đồng cho doanh nghiệp sản xuất, 3 triệu đồng cho doanh nghiệp thương mại. Công cụ EFFECT-Interactive Help (hướng dẫn tương tác) tương tự như trong EFFECT-Small có thể giúp người dùng tự học sử dụng phần mềm nhanh chóng và có thể giảm được chi phí đào tạo khi mua phần mềm. EFFECT cho biết người dùng có thể tiết kiệm chi phí bằng cách download phiên bản EFFECT-Small hoặc EFFECT-Training Standard

Bên cạnh đó, giao diện của phần mềm kế toán EFFECT hơi khó thân thiện với người mới tiếp cận và cấu trúc cơ sở dữ liệu khá phức tạp, đòi hỏi người dùng phải có kiến thức và chuyên môn kế toán tốt.

Tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng tài chính của công ty mà Ban lãnh đạo nên quyết định xem mua phần mềm kế toán nào để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Theo em, Công ty CPTM Cường Thịnh nên sử dụng phần mềm kế toán MISA. Vì các phần mềm kế toán MISA không những cập nhật kịp các chế độ, quy định mới của Bộ Tài chính mà còn giải quyết được các yêu cầu thực tế phát sinh của doanh nghiệp, như đáp ứng hệ thống báo cáo quản trị, thường xuyên cập nhật các tính năng mới... Điểm đặc biệt, MISA biết lắng nghe những phản ánh thực tế của các đơn vị sử dụng phần mềm, ghi nhận và điều chỉnh kịp thời trong phần mềm. Hơn nữa giá cả của phần mềm kế toán MISA cũng phải chăng, hợp lý.

### ***3.2.2.3. Vận dụng kế toán quản trị vào công tác kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh***

Trong môi trường kinh doanh có sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay, song hành với những cơ hội là những thách thức cơ thể xảy ra rủi ro bất cứ lúc nào đối với doanh nghiệp. Việc mỗi doanh nghiệp phải có những sách lược riêng của mình để hạn chế tới mức thấp nhất khả năng rủi ro là điều tất yếu

Kế toán là một công cụ quản lý quan trọng. Để kế toán có thể phát huy tốt nhất chức năng thông tin và kiểm tra của mình thì cần phải xây dựng một hệ thống kế toán hoàn chỉnh. Tức là vừa hướng về các quá trình và sự kiện kinh tế đã xảy ra (hướng về quá khứ); vừa giúp hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát và đưa ra được các quyết định đúng đắn (hướng về tương lai).

Ở nước ta hiện nay, nhận thức và hiểu biết về kế toán quản trị vẫn còn nhiều hạn chế và chưa hoàn toàn thống nhất cả về lí luận lẫn thực tiễn. Khái niệm “kế toán” để nói về hệ thống kế toán doanh nghiệp từ trước đến nay chỉ đề cập chủ yếu đến kế toán tài chính mặc dù hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam vẫn có những biểu hiện nhất định về kế toán quản trị. Vì vậy, việc tổ

chức thực hiện kế toán quản trị là vấn đề có tính cấp thiết cả về lí luận lẫn thực tiễn ứng dụng, cả trong phạm vi doanh nghiệp lẫn trong phạm vi nền kinh tế.

Hệ thống kế toán của công ty hiện nay vẫn thiên về lĩnh vực kế toán tài chính. Kế toán quản trị chưa được chú trọng, đội ngũ nhân viên kế toán chưa được phân công công việc rõ ràng, cụ thể thành hai nhánh là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Do đó, các thông tin kế toán phục vụ cho các nhà quản trị công ty vẫn còn nhiều hạn chế. Để hệ thống kế toán của công ty có thể phát huy tốt nhất chức năng của mình thì việc tổ chức hệ thống kế toán này theo mô hình hỗn hợp, gồm hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một hệ thống kế toán là hết sức cần thiết.

Những nội dung kế toán quản trị cần nghiên cứu hoàn thiện tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh bao gồm:

- Thiết lập thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc lập kế hoạch tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu về kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

- Thiết lập thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc điều hành và kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch, trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu về tình hình thực hiện dự toán chi phí và tình hình hoạt động của các trung tâm trách nhiệm.

Để tổ chức thực hiện kế toán quản trị tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp sau:

*Xây dựng hệ thống chứng từ kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị tại công ty.*

Đối với các chứng từ được phát hành từ bên trong công ty phản ánh chi phí phát sinh sẽ được thiết kế chi tiết hơn để nhằm đáp ứng được yêu cầu kiểm soát chi phí của các nhà quản trị. Cụ thể, khi thiết kế phải đảm bảo được yêu cầu phân loại chi phí theo cách ứng xử của nó đối với mức độ hoạt động thỏa mãn yêu cầu xác định các chỉ tiêu định mức làm căn cứ lập dự toán, và thuận lợi cho việc tập hợp chi phí theo các bộ phận, trung tâm trách nhiệm...

*Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội*

*dung kế toán quản trị.*

Về cơ bản, việc xây dựng hệ thống tài khoản kế toán quản trị vẫn dựa trên hệ thống tài khoản kế toán được Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 để xây dựng chi tiết hơn các tài khoản chi phí và doanh thu phù hợp với yêu cầu kế toán

Phân loại các tài khoản chi phí theo cách ứng xử của từng yếu tố chi phí với mức độ hoạt động nhằm phục vụ mục đích kiểm soát, phân tích và dự báo chi phí, trên cơ sở đó đưa ra được các biện pháp quản lý chi phí một cách hiệu quả nhất.

*Xây dựng hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.*

Ngoài việc sử dụng hệ thống sổ chi tiết được ban hành của Bộ Tài chính, Công ty có thể thiết kế thêm một số sổ kế toán để theo dõi chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí cũng như làm cơ sở cho việc phân tích các biến động chi phí như: Sổ chi tiết chi phí vật liệu trực tiếp, Sổ chi tiết chi phí nhân công trực tiếp, Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung, Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.*

Là phương tiện để truyền đạt thông tin đến các nhà quản trị, hệ thống báo cáo kế toán quản trị phải đảm bảo được yêu cầu cung cấp thông tin thích hợp, kịp thời và phù hợp theo từng đối tượng sử dụng thông tin với một chi phí xử lý thích hợp. Để đáp ứng được yêu cầu này, hệ thống báo cáo kế toán quản trị phải được xây dựng nhằm mục đích cung cấp thông tin hữu ích gắn liền với từng mục tiêu hoạt động cụ thể của từng doanh nghiệp. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chủ yếu sẽ bao gồm các loại báo cáo sau:

- Báo cáo tình hình thực hiện
- Báo cáo phân tích

Ngoài ra, căn cứ vào yêu cầu quản lý, điều hành của từng giai đoạn cụ thể, Công ty có thể lập báo cáo kế toán quản trị khác

*Xây dựng bộ máy kế toán của Công ty nói chung và bộ máy kế toán quản*

*trị nói riêng.*

Như vậy, việc tổ chức hệ thống kế toán doanh nghiệp theo mô hình hỗn hợp, gồm hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một hệ thống kế toán, trong cùng một bộ máy kế toán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho chức năng thông tin và kiểm tra của kế toán được toàn diện, phong phú và hiệu quả hơn. Vì vậy, bộ máy kế toán ở công ty cũng như ở các đơn vị thành viên sẽ bao gồm hai bộ phận: kế toán quản trị và kế toán tài chính. Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải xác định được trình tự thu thập thông tin đầu vào của hai bộ phận này để xử lý nhằm cung cấp thông tin đầu ra cho phù hợp với chức năng của mỗi bộ phận.

Tổ chức kết hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị theo từng phần hành kế toán: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành, kế toán bán hàng... Kế toán viên theo dõi phần hành kế toán nào thì sẽ thực hiện cả kế toán tài chính và kế toán quản trị phần hành đó. Ngoài ra, doanh nghiệp phải bố trí người thực hiện các nội dung kế toán quản trị chung khác, như: Thu thập, phân tích các thông tin phục vụ việc lập dự toán và phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp. Các nội dung công việc này có thể bố trí cho kế toán tổng hợp hoặc do kế toán trưởng đảm nhiệm.

#### ***3.2.2.4. Hoàn thiện chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh***

Hiện nay việc áp dụng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh của Công ty chưa thực sự hiệu quả. Trong thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho người mua khi mua với số lượng lớn, như vậy sẽ tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty.

Công ty có thể đưa ra các mức chiết khấu thương mại dưới dạng phần trăm của doanh thu thu được từ mỗi loại sản phẩm, hoặc có thể dưới dạng một khoản

tiền nhất định.

▪ Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại này công ty nên sử dụng Tài khoản 521 – “Chiết khấu thương mại”.

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Khi phát sinh các khoản chiết khấu thương mại:

Nợ TK 521

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại:

Nợ TK 511

Có TK 521

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”.

- Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112: Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng

- Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

**3.2.2.5. Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty CPTM Cường Thịnh**

Để hạn chế việc mất mát hoặc bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ. Như vậy, khi chứng từ bị thất lạc, các phòng ban có thể dễ dàng tìm lại chứng từ hoặc quy trách nhiệm cho cá nhân cụ thể.

Công ty nên lập Phiếu giao nhận chứng từ để tránh tình trạng mất mát chứng từ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH**

**Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng**

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày.....đến ngày.....

Ngày tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Loại chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
					Bên giao	Bên nhận
1	2	3	4	5	6	7

## **KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại được phải có sự phát triển không ngừng trong sản xuất kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và luôn nâng cao nghiệp vụ, mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để theo dõi hiệu quả của các kỳ sản xuất kinh doanh, tất cả các doanh nghiệp dù quy mô lớn hay nhỏ đều phải tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Điều quan trọng là mỗi công ty tổ chức hạch toán kế toán như thế nào để việc cung cấp thông tin cho các nhà quản lý được tốt nhất và phục vụ đắc lực cho việc ra quyết định kinh doanh một cách kịp thời, chính xác

Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại công ty cũng tương đối khoa học và hợp lý, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Trên đây là một số phân tích, đánh giá và giải pháp chủ quan mà em đã mạnh dạn đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh, với mong muốn công ty sẽ ngày càng phát triển vững mạnh hơn, khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận với thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo đóng góp ý kiến của thầy cô, cùng các cán bộ phòng kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh và sự góp ý của các bạn sinh viên.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh đã giúp đỡ em rất nhiệt tình để hoàn thành bài khóa luận. Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình hướng dẫn em để em có thể hoàn thành bài khóa luận của mình.

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012*

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Như Quỳnh



## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2. Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản thống kê, 2008
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản thống kê, 2008
5. “Nguyên lý kế toán”, NXB. Tài chính, 2009

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG I – LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	11
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	11
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	11
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	12
1.1.3. Các khái niệm cơ bản .....	13
1.1.3.1. Doanh thu .....	13
1.1.3.2. Chi phí .....	16
1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh .....	17
1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	18
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu .....	18
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng .....	18
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	18
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....	22
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	22
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng .....	22
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng .....	22
1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán .....	24
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán .....	25
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	27
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng: .....	27
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	27
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	29

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	31
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	31
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	31
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	32
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	34
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	34
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	34
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	34
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	36
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	36
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	36
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.....	38
<b>CHƯƠNG II – THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH.....</b>	<b>40</b>
<b>2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH.....</b>	<b>40</b>
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.....	40
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.....	40
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý.....	41
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP thương mại Cường Thịnh.....	42
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:.....	42
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản.....	44
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	44
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:.....	44
<b>2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH.....</b>	<b>45</b>

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần TM Cường Thịnh.....	45
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng của Công ty.....	45
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	45
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	45
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	45
2.2.1.5. Ví dụ minh họa.....	46
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh	53
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty.....	53
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	53
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	53
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.....	53
2.2.2.5. Ví dụ minh họa.....	54
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh. ....	58
2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	58
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	58
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	58
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.....	58
2.2.3.5. Ví dụ minh họa.....	59
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.....	64
2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	64
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	64
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	64
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	64
2.2.4.5. Ví dụ minh họa.....	65
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.....	68
2.2.5.1. Nội dung thu nhập khác và chi phí khác.....	68
2.2.5.2. Chứng từ sử dụng.....	68

2.2.5.3. Tài khoản sử dụng .....	68
2.2.5.4. Quy trình hạch toán .....	68
2.2.5.5. Ví dụ minh họa .....	69
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh .....	75
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....	75
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....	75
2.2.6.3. Quy trình hạch toán .....	75
2.2.6.4. Ví dụ minh họa .....	76
<b>CHƯƠNG III : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH .....</b>	<b>85</b>
<b>3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH .....</b>	<b>85</b>
3.1.1. Ưu điểm.....	85
3.1.2. Hạn chế.....	87
<b>3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CƯỜNG THỊNH.....</b>	<b>89</b>
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh.....	89
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh .....	90
3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh .....	90
3.2.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh .....	101
3.2.2.3. Vận dụng kế toán quản trị vào công tác kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh .....	106

3.2.2.4. Hoàn thiện chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh .....	109
3.2.2.5. Một số giải pháp khác .....	111
KẾT LUẬN .....	112
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	105

***DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO***

6. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
7. Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp
8. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản thống kê, 2008
9. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản thống kê, 2008
10. “Nguyên lý kế toán”, NXB. Tài chính, 2009